

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

1.1 Các khái niệm về thuế giá trị gia tăng

1.1.1 Khái niệm cơ bản về thuế GTGT

“Theo Điều 2 Luật số 13/2008/QH12 định nghĩa về thuế giá trị gia tăng (Thuế GTGT) là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng”.

“Thuế GTGT còn được gọi với một cái tên khác là thuế VAT (*Value-Added Tax*). Hiểu một cách đơn giản, đây là loại thuế được tính **cộng vào giá bán** của các loại hàng hóa, dịch vụ trong đơn hàng và **do người tiêu dùng thanh toán, chi trả** khi sử dụng hàng hóa, dịch vụ đó”.

1.1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán thuế GTGT

Kế toán thuế là cầu nối quan trọng và không thể thiếu giữa doanh nghiệp với cơ quan thuế. Vai trò và nhiệm vụ chủ yếu của kế toán thuế như sau:

- “Tập hợp và thu thập hóa đơn, chứng từ phát sinh tương ứng với các nghiệp vụ kinh tế để theo dõi và hạch toán.
- Báo cáo thuế hàng tháng, hàng quý, hàng năm.
- Báo cáo tài chính, báo cáo thuế TNDN, TNCN, báo cáo thuế cuối năm.
- Trực tiếp làm việc với cơ quan thuế khi có yêu cầu hoặc khi có vấn đề phát sinh.
- Kiểm tra và đối chiếu hóa đơn GTGT.
- Lập báo cáo tổng hợp báo cáo thuế GTGT đầu vào, đầu ra của doanh nghiệp.
- Kiểm tra hóa đơn đầu vào, đầu ra và báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.
- Lập hồ sơ hoàn thuế khi có phát sinh hoàn thuế.
- Cập nhật kịp thời các quy định mới về Luật thuế để áp dụng trong nghiệp vụ kế toán thuế đồng thời để điều chỉnh hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp”.

1.1.3. Phân loại, và đặc điểm của thuế

✚ Thuế giá trị gia tăng (VAT) có 4 đặc điểm đặc trưng:

- **Thuế gián thu:** Thuế GTGT *do người tiêu dùng cuối cùng chịu.*” Cơ sở sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp cung cấp hàng hóa, dịch vụ là người nộp thuế vào

ngân sách nhà nước thay cho người tiêu dùng thông qua việc cộng thuế vào giá bán mà người tiêu dùng phải thanh toán khi mua hàng hóa, dịch vụ”.

- **Thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn không trùng lặp:** “Đánh vào tất cả các giai đoạn luân chuyển từ sản xuất tới lưu thông, tiêu dùng. Ở từng giai đoạn, thuế chỉ tính trên phần giá trị gia tăng của giai đoạn đó, không tính trùng phần GTGT đã tính thuế ở các giai đoạn luân chuyển trước”.
- **Đánh thuế theo nguyên tắc điểm đến:** “Đánh vào hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho mục đích sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng nội địa, bất kể hàng hóa dịch vụ đó được tạo ra ở trong nước hay nhập khẩu từ nước ngoài”.
- **Phạm vi điều tiết rộng:** Thuộc loại thuế tiêu dùng thông thường, đánh vào hầu hết các hàng hóa, dịch vụ nên thuế GTGT có phạm vi điều tiết rộng.

Phân loại:

- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp trực tiếp và phương pháp khấu trừ

1.1.4. Các mức thuế suất GTGT:

➤ **Mức thuế suất 0%:**

“Căn cứ Điều 9 TT 219/2013/TT-BTC áp dụng đối với **hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu**, vận tải **quốc tế** và hàng hóa, dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải”

➤ **Mức thuế suất 5%**

Căn cứ Điều 10 TT 219/2013/TT-BTC áp dụng với nhóm sản phẩm thiết yếu, sản phẩm nông lâm nghiệp, phục vụ sản xuất và sinh hoạt, y tế, giáo dục, dịch vụ khoa học.

➤ **Mức thuế suất 10%**

“Áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không thuộc trường hợp áp dụng thuế suất 0% và 5%”.

➤ **Mức thuế suất 8%**

Tại “Kỳ họp thứ 6, Quốc hội XV ngày 29/11/2023, Quốc hội thông qua **Nghị quyết 110/2023/QH15** trong đó có nội dung giảm thuế GTGT cho năm 2024 giảm 2% thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất giá trị gia tăng 10% xuống còn 8% theo Nghị quyết 43/2022/QH15 từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 30/06/2024 và Nghị quyết 72/2024/NĐ-CP từ ngày 01/07/2024 đến hết ngày 31/12/2024”. Trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ sau: “Nhóm

hàng hóa, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, dịch vụ hoạt động tài chính, ngân hàng, chứng khoán, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ kinh doanh bất động sản, dịch vụ kim loại, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, sản phẩm khai khoáng (không kể khai thác than), than cốc, dầu mỏ tinh chế, sản phẩm hoá chất, sản phẩm hàng hóa và nhóm dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt”.

Như vậy, “tùy vào từng đối tượng chịu thuế, mức thuế giá trị gia tăng được áp dụng là 0%, 5%, 10% hoặc 8%”.

1.1.5. Căn cứ tính thuế

❖ Căn cứ tính thuế GTGT

Căn cứ để tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất được quy định tại Điều 6 TT 219/2013/TT-BTC

$$\text{Thuế GTGT} = \text{Giá tính thuế} \times \text{Thuế suất}$$

❖ Giá tính thuế

Theo Điều 7, Thông tư 219/2013/TT-BTC căn cứ tính thuế của một số hàng hóa dịch vụ được quy định như sau:

- “Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng;
- Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu.
- Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu tặng cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này;
- Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế giá trị gia tăng;
- Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho một thời hạn thuê thì giá tính thuế là tiền cho thuê trả từng thời kỳ hoặc trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế giá trị gia tăng;

- Trường hợp thuê máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải của nước ngoài loại trong nước chưa sản xuất được để cho thuê lại, giá tính thuế được trừ giá thuê phải trả cho nước ngoài.
- Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm;
- Đối với giá công hàng hóa là giá gia công chưa có thuế giá trị gia tăng;
- Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế giá trị gia tăng. Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị;
- Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ giá chuyển quyền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước;
- Đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa và dịch vụ hưởng hoa hồng là tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này chưa có thuế giá trị gia tăng;
- Đối với hàng hóa, dịch vụ được sử dụng chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế được xác định theo công thức sau”

$$Giá\ chưa\ có\ thuế\ GTGT = \frac{Giá\ thanh\ toán}{1 + Thuế\ suất\ của\ HH, DV(\%)}$$

1.1.6. Phương pháp kế toán

Phương pháp khấu trừ thuế GTGT

Đối tượng áp dụng:

Áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện kê khai theo phương pháp khấu trừ thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ mua bán theo quy định của pháp luật về kế toán. Có “doanh thu ít nhất 1 tỷ đồng/năm từ hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ”.

Công thức tính:

$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \text{Thuế GTGT đầu ra} - \text{Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ}$$

Trong đó:

- Số thuế GTGT đầu ra = tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn GTGT
- Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ = tổng số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ (bao gồm cả tài sản cố định) dùng cho sản xuất kinh doanh HHDV chịu thuế GTGT.

✚ Phương pháp tính trực tiếp trên GTGT

Phương pháp tính thuế GTGT trực tiếp được quy định tại Điều 11 và Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng 2008 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Luật số 31/2013/QH13) như sau:

Phương pháp 1: “Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng”.

- Đối tượng được áp dụng phương pháp này: hoạt động mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý.
- “Giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý được xác định bằng (=) giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ (-) giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng”.

Đối với các doanh nghiệp “hoạt động mua, bán, chế tác vàng bạc, đá quý thì phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp” như sau:

Công thức tính:

$$\text{Số thuế GTGT phải nộp} = \text{GTGT của vàng bạc, đá quý bán ra} \times \text{Thuế suất 10\%}$$

Trong đó:

- GTGT của vàng bạc, đá quý = Giá thanh toán của vàng bạc, đá quý – Giá thanh toán của vàng bạc, đá quý mua vào tương ứng
- “Giá thanh toán của vàng bạc, đá quý bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bao gồm cả tiền công chế tác (nếu có), thuế GTGT và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng”.

- “Giá thanh toán của vàng bạc, đá quý mua vào được xác định bằng giá trị vàng, bạc, đá quý mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế GTGT dùng cho mua bán, chế tác vàng bạc, đá quý tương ứng”.

Phương pháp 2: “Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng”.

Đôi tượng áp dụng:

- “Doanh nghiệp, hợp tác xã có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế nếu thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hoá đơn, chứng từ”;
- Hộ, cá nhân kinh doanh.
- “Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nhưng có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hoá đơn, chứng từ, trừ tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam khấu trừ nộp thay”;
- “Tổ chức kinh tế khác, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế quy định”.

Tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng được quy định như sau:

- “Phân phối, cung cấp hàng hoá: 1%;
- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%;
- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hoá, xây dựng có bao thầu NVL: 3%;
- Hoạt động kinh doanh khác: 2%”

“Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng” như sau:

$$\text{Thuế GTGT phải nộp} = \text{Doanh thu} \times \text{Tỷ lệ \%}$$

Trong đó:

- Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%
- Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%

- Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu NVL: 3%
- Hoạt động kinh doanh khác: 2%.

1.1.7. Phương pháp hạch toán

Phương pháp kế toán thuế GTGT đầu ra (TK 3331)

<i>Phương pháp khấu trừ</i>	<i>Phương pháp trực tiếp</i>
Nợ TK 111, 112, 131 (tổng giá thanh toán)	- PP1: Tách riêng ngay số thuế GTGT phải nộp khi xuất hóa đơn
Có TK 511, 515, 711 (giá chưa thuế)	- PP2: Ghi nhận giảm doanh thu bao gồm cả thuế GTGT phải nộp
Có TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp	Nợ TK 511, 515, 711
	Có TK 3331- Thuế GTGT phải nộp

Nộp thuế GTGT vào Ngân sách Nhà nước:

Nợ 3331 – Thuế GTGT phải nộp

 Có TK 111, 112.

Kế toán thuế GTGT được khấu trừ

“Định kỳ, kế toán tính, xác định số thuế GTGT được khấu trừ với số thuế GTGT đầu ra phải nộp trong kỳ, ghi:

Nợ TK 3331 – *Thuế GTGT phải nộp (33311)*

 Có TK 133 – *Thuế GTGT được khấu trừ.*

Trường hợp tại thời điểm giao dịch phát sinh chưa xác định được thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ có được khấu trừ hay không, kế toán ghi nhận toàn bộ số thuế GTGT đầu vào trên TK 133. Định kỳ, khi xác định số thuế GTGT không được khấu trừ với thuế GTGT đầu ra, kế toán phản ánh vào chi phí có liên quan, ghi:

Nợ TK 632 – *Giá vốn hàng bán (thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của hàng tồn kho đã bán)*

Nợ TK 641, 642 (*thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ của các khoản chi phí bán hàng, chi phí QLDN*)

 Có TK 133 – *Thuế GTGT được khấu trừ”*

✚ Kế toán thuế GTGT phải nộp được giảm

“Trường hợp doanh nghiệp được giảm số thuế GTGT phải nộp, kế toán ghi nhận số thuế GTGT được giảm vào thu nhập khác:

Nợ TK 33311 – Thuế GTGT phải nộp (nếu được trừ vài số thuế phải nộp)

Nợ TK 111, 112 – nếu số giảm được nhận lại bằng tiền

Có TK 711 – Thu nhập khác”.

✚ Kế toán thuế GTGT đầu vào được hoàn

“Trường hợp doanh nghiệp được hoàn thuế GTGT theo luật định do thuế đầu vào lớn hơn thuế đầu ra”:

Nợ TK 111, 112

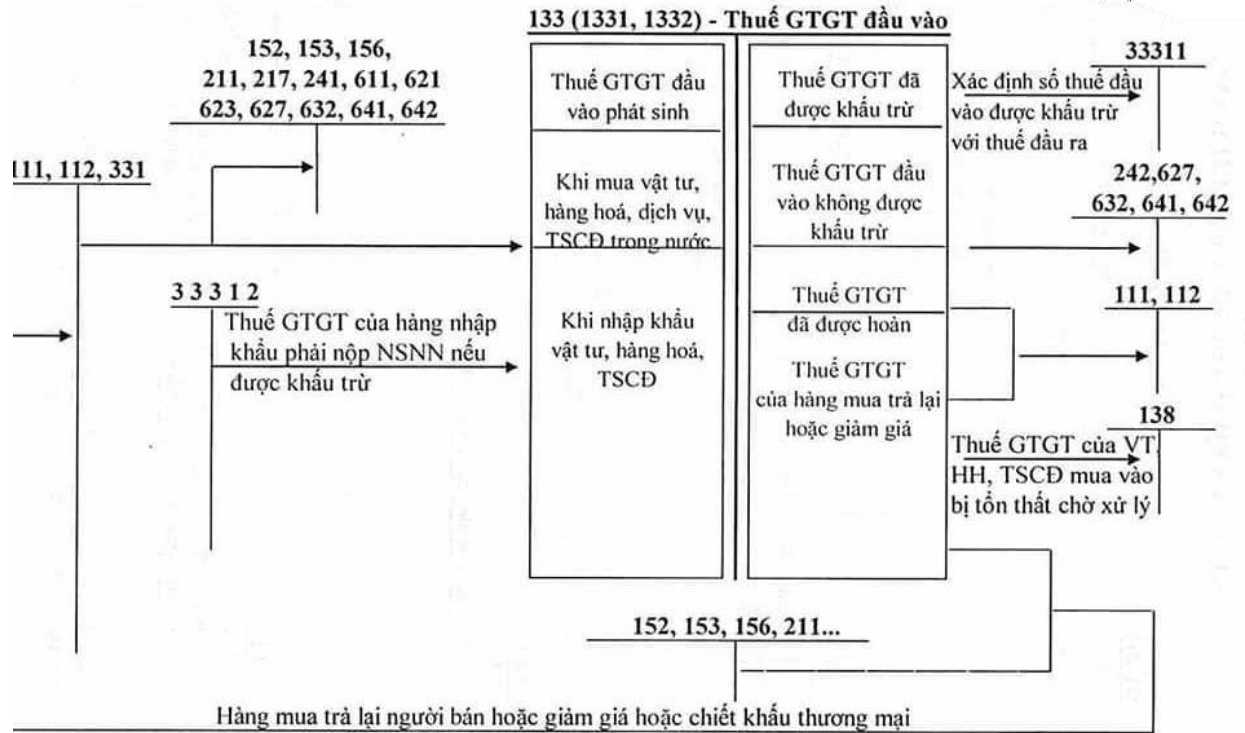
Có TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ

1.1.8. Sơ đồ hạch toán tổng hợp chữ T

Tài khoản 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ. (thông tư 200/2014/TT-BTC)

Tài khoản 133 - Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.	
Bên Nợ	Bên Có
“Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ”.	- “Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ”; - “Kết chuyển số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ”; - “Thuế GTGT đầu vào của hàng hóa mua vào nhưng đã trả lại, được giảm giá”; - “Số thuế GTGT đầu vào đã được hoàn lại”.
<i>Số dư bên Nợ: “Số thuế GTGT đầu vào còn được khấu trừ, số thuế GTGT đầu vào được hoàn lại nhưng NSNN chưa hoàn trả”.</i>	

KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐẦU VÀO



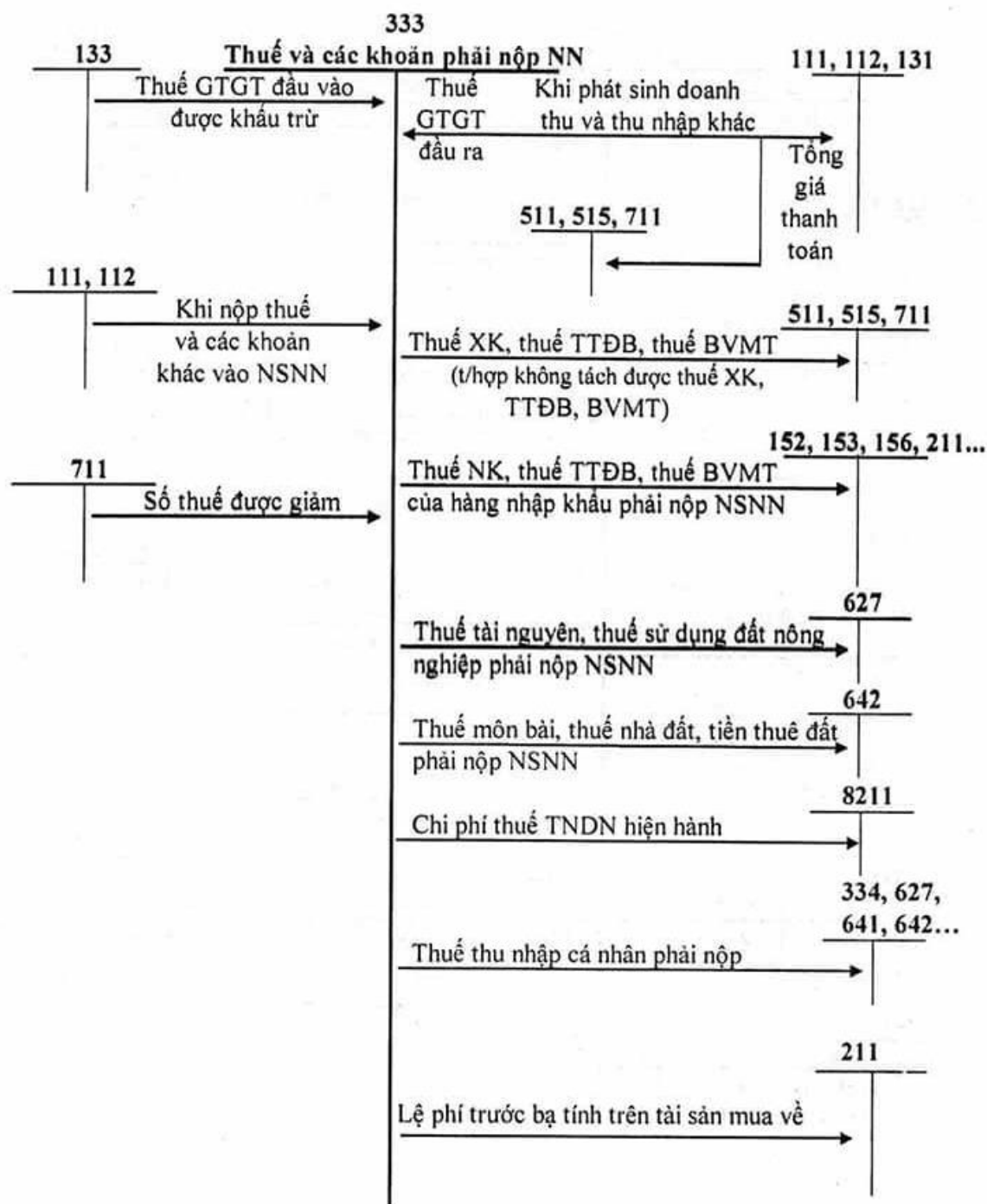
Sơ đồ 2.1 Sơ đồ chữ T tài khoản 133

Sơ đồ kế toán TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước theo TT200/2014/TT-BTC

TK 333 – THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

<i>Nợ</i>	<i>Có</i>
<ul style="list-style-type: none"> ▪ “Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ” ▪ “Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào NSNN” ▪ “Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp” ▪ “Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá” 	<ul style="list-style-type: none"> ▪ “Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp” ▪ “Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp vào NSNN”
<p><u>Số dư bên Nợ:(nếu có)</u></p> <p>“Trường hợp các khoản nộp lớn hơn số thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước có thể phản ánh số thuế đã nộp được xét miễn, giảm hoặc cho thoái thu nhưng chưa thực hiện thoái thu”.</p>	<p><u>Số dư bên Có:</u></p> <p>“Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác còn phải nộp vào NSNN”.</p>

SƠ ĐỒ KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC



Sơ đồ 2.2 Sơ đồ chữ T tài khoản 333

1.2 Ý nghĩa và sự cần thiết của đề tài.

Ý nghĩa:

Công tác kế toán thuế Giá trị Gia tăng (GTGT) mang ý nghĩa quan trọng trong lĩnh vực quản lý tài chính doanh nghiệp và tuân thủ pháp luật thuế. Nghiên cứu và triển khai kế toán thuế GTGT giúp doanh nghiệp thực hiện đúng các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước, đồng thời tối ưu hóa chi phí thông qua việc quản lý và khấu trừ thuế một cách hiệu quả. Đề tài này cũng góp phần nâng cao năng lực kiểm soát tài chính của doanh nghiệp, đảm bảo tính minh bạch, chính xác trong báo cáo tài chính, và giảm thiểu rủi ro pháp lý. Ngoài ra, việc hiểu sâu về kế toán thuế GTGT còn giúp doanh nghiệp chuẩn bị tốt hơn cho các cuộc kiểm tra, thanh tra từ cơ quan thuế, đồng thời xây dựng uy tín và niềm tin với các đối tác kinh doanh.

Sự cần thiết của đề tài:

Đề tài kế toán thuế Giá trị Gia tăng (GTGT) là một lĩnh vực nghiên cứu cần thiết và cấp bách trong bối cảnh doanh nghiệp phải đối mặt với nhiều thách thức liên quan đến tuân thủ pháp luật thuế. Việc nắm vững và thực hiện tốt kế toán thuế GTGT giúp doanh nghiệp đảm bảo tính chính xác trong việc kê khai, nộp thuế, từ đó tránh được những rủi ro về pháp lý và các khoản phạt không đáng có. Hơn nữa, đề tài này còn giúp doanh nghiệp tối ưu hóa chi phí thông qua việc quản lý hiệu quả các khoản khấu trừ thuế GTGT đầu vào, góp phần cải thiện dòng tiền và lợi nhuận. Nghiên cứu về kế toán thuế GTGT cũng là cơ hội để doanh nghiệp nâng cao năng lực kiểm soát tài chính, đảm bảo tính minh bạch trong báo cáo tài chính, và xây dựng niềm tin với cơ quan thuế cũng như các đối tác kinh doanh. Do đó, đề tài này không chỉ có giá trị về mặt lý thuyết mà còn mang lại những lợi ích thực tiễn to lớn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.3. Luật, Nghị định, Thông tư liên quan

+ Luật:

- “Luật Thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 3 tháng 6 năm 2008: Đây là luật cơ bản quy định về thuế GTGT tại Việt Nam”.
- “Luật số 13/2008/QH12: Thuế giá trị gia tăng, được Quốc hội thông qua ngày 03/06/2008”.
- “Luật số 31/2013/QH13: Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế giá trị gia tăng, được Quốc hội thông qua ngày 19/06/2013”.
- “Luật số 71/2014/QH13: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014”.
- “Luật số 106/2016/QH13: Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật quản lý thuế, được Quốc hội thông qua ngày 06/04/2016”.
- “Luật số 38/2019/QH14: Quản lý thuế, được Quốc hội thông qua ngày 13/06/2019”.

+Nghị định:

- “Nghị định 126/2020/NĐ-CP: Hướng dẫn Luật Quản lý thuế, được Chính phủ ban hành ngày 19/10/2020”.
- “Nghị định 209/2013/NĐ-CP: Hướng dẫn Luật thuế giá trị gia tăng, được Chính phủ ban hành ngày 18/12/2013”.
- “Nghị định 91/2014/NĐ-CP: Sửa đổi các Nghị định quy định về thuế, được Chính phủ ban hành ngày 01/10/2014”.
- “Nghị định 12/2015/NĐ-CP: Hướng dẫn Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, được Chính phủ ban hành ngày 12/02/2015”.
- “Nghị định 100/2016/NĐ-CP: Hướng dẫn Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế sửa đổi, được Chính phủ ban hành ngày 01/07/2016”.
- “Nghị định 174/2016/NĐ-CP: Quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán, được Chính phủ ban hành ngày 30/12/2016”.

- “Nghị định 146/2017/NĐ-CP: Sửa đổi Nghị định 100/2016/NĐ-CP và 12/2015/NĐ-CP, được Chính phủ ban hành ngày 15/12/2017”.
- “Nghị định 123/2020/NĐ-CP: Quy định về hóa đơn, chứng từ, được Chính phủ ban hành ngày 19/10/2020”
- “Nghị định 125/2020/NĐ-CP: Quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế hóa đơn, được Chính phủ ban hành ngày 19/10/2020”.
- “Nghị định 52/2021/NĐ-CP: Gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021, được Chính phủ ban hành ngày 19/04/2021”.
- “Nghị định 49/2022/NĐ-CP: Sửa đổi Nghị định 209/2013/NĐ-CP, được Chính phủ ban hành ngày 29/07/2022”.

+ Chuẩn mực:

- “Chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 01: Chuẩn mực chung (Quyết định ban hành 165/2002/QĐ-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài chính Ban hành ngày 31/12)”

+ Thông tư:


- “Thông tư 200/2014/TT-BTC: Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, được Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014”
- “Thông tư 133/2016/TT-BTC: Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, được Bộ Tài chính ban hành ngày 26/08/2016”
- “Thông tư 150/2010/TT-BTC: Hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thu nhập doanh nghiệp đối với các cơ quan báo chí do Bộ Tài chính ban hành”
- “Thông tư 219/2013/TT-BTC: Hướng dẫn Luật thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành”.
- “Thông tư 151/2014/TT-BTC: Hướng dẫn thi hành Nghị định 91/2014/NĐ-CP”.
- “Thông tư 26/2015/TT-BTC: Hướng dẫn thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP, sửa đổi Thông tư 39/2014/TT-BTC”.
- “Thông tư 193/2015/TT-BTC: Sửa đổi Thông tư 219/2013/TT-BTC”.
- “Thông tư 130/2016/TT-BTC: Hướng dẫn Nghị định 100/2016/NĐ-CP”.
- “Thông tư 93/2017/TT-BTC: Sửa đổi Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 Thông tư 219/2013/TT-BTC”.

- “Thông tư 25/2018/TT-BTC: Hướng dẫn Nghị định 146/2017/NĐ-CP”.
- “Thông tư 105/2020/TT-BTC: Hướng dẫn về đăng ký thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành”.
- “Thông tư 43/2021/TT-BTC: Sửa đổi Khoản 11 Điều 10 Thông tư 219/2013/TT-BTC”.
- “Thông tư 40/2021/TT-BTC: Hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh do Bộ Tài chính ban hành”.
- “Thông tư 78/2021/TT-BTC: Hướng dẫn thực hiện một số điều của luật quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019, nghị định số 123/2020/NĐ-CP 19/10/2020 của chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ”.
- “Thông tư 80/2021/TT-BTC: Hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế”

CHƯƠNG 2:
THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG TẠI
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ

2.1 Giới thiệu công ty

2.1.1 Thông tin về công ty

Logo	
Tên giao dịch tiếng Việt	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ
Địa chỉ	17 Đường số 37, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Mã số thuế	0312962901
Người đại diện pháp luật	Đỗ Thị Hạnh
Ngày thành lập	2014-10-08
Vốn điều lệ	500.000.000 đồng
Số điện thoại	028 6680 3825
Website	www.hinosun.net
Email	phongvuiaea.co@gmail.com
Ngành nghề kinh doanh	“Nhập khẩu - Sản xuất - Phân phối sản phẩm sử dụng ứng dụng Năng lượng mặt trời tại trong các công trình dân dụng và công nghiệp.”

Một số mặt hàng kinh doanh



Hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời công nghiệp Hinosun



Máy nước nóng năng lượng mặt trời Solahart

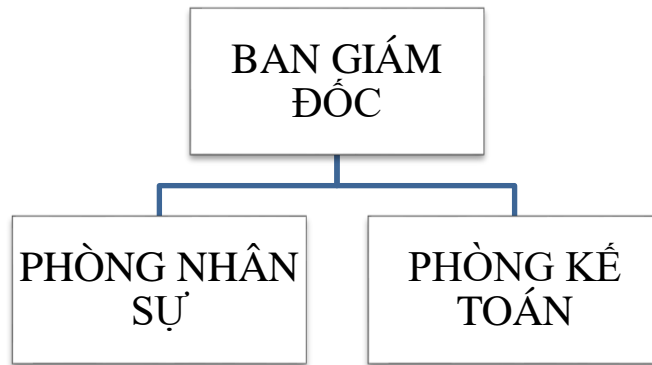


Bồn bảo ôn công nghiệp Hinosun 10.000 lít



Phụ kiện máy năng lượng mặt trời Solahart

2.1.2 Sơ đồ tổ chức công ty



Sơ đồ 2.3 Sơ đồ tổ chức công ty TNHH Thiết Bị Năng Lượng Phong Vũ

- Ban Giám đốc:

- Định hướng chiến lược cho công ty, tìm kiếm và bồi dưỡng nhân sự tài năng đảm nhiệm vị trí quan trọng trong công ty, xây dựng hệ thống quản trị liên kết chặt chẽ giữa các phòng ban, giám sát và kiểm soát hoạt động kinh doanh trong công ty.

- Phòng Kế toán:

- Ghi chép, tính toán, phản ánh và kiểm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, cố vấn cho Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan; cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, kiểm tra và phân tích hoạt động kinh tế tài chính, phục vụ công tác lập và theo dõi kế hoạch; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho Ban Giám đốc.

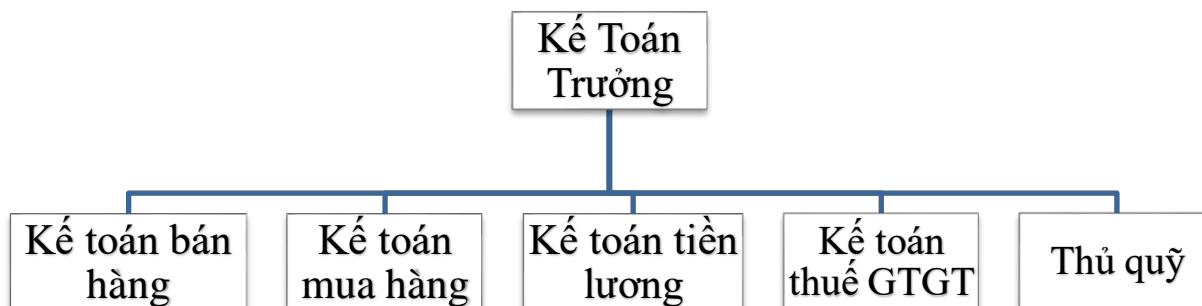
- Phòng Nhân sự:

- Tuyển dụng nhân sự khi công ty có nhu cầu; tổ chức sắp xếp và lưu trữ hồ sơ nhân sự, cập nhật thông tin nội bộ, chuẩn bị các tài liệu nhân sự như hợp đồng lao động; Phát triển và tạo mối liên hệ tốt với các nhân sự trong công ty nhằm tạo động lực và giữ chân nhân sự; Các công việc theo sự chỉ đạo của Ban Giám đốc.

2.2 Tổ chức hệ thống kế toán

2.2.1 Tổ chức bộ máy kế toán

- ❖ Sơ đồ tổ chức phòng kế toán



Sơ đồ 2.4 Sơ đồ tổ chức phòng kế toán

- ❖ Công việc và nhiệm vụ của từng chức danh tại phòng kế toán
 - **Kế toán trưởng:**
 - Xây dựng quy trình kế toán
 - Thiết lập quy trình: Xây dựng và cập nhật quy trình làm việc liên quan đến doanh thu, chi phí, tài sản, các khoản phải thu, các khoản phải trả... để đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật.
 - Giám sát: Đảm bảo các nhân viên kế toán thực hiện đúng quy trình và chính sách đã thiết lập.
 - Quản lý và phân công công việc: cho các nhân viên kế toán đảm bảo rằng công việc được phân công rõ ràng và phù hợp.
 - Kiểm soát
 - Kiểm tra sổ sách: Kiểm tra việc ghi nhận các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp để đảm bảo tính chính xác và hợp lý.
 - Điều chỉnh sai sót: Xử lý và điều chỉnh các sai sót nếu có trong quá trình ghi nhận.
 - Ngoài ra, kế toán trưởng còn lập các báo cáo nội bộ về tình hình kinh doanh để trình bày trước ban lãnh đạo.
 - Là người trực tiếp đón các đoàn thanh tra, kiểm tra thuế

➤ Đào tạo và cập nhật kiến thức

- Đào tạo nhân viên: Đào tạo nhân viên kế toán về các quy định mới và quy trình làm việc liên quan
- Cập nhật kiến thức: Cập nhật các thay đổi trong luật thuế và quy định liên quan để áp dụng kịp thời vào công việc.

▪ **Kế toán mua hàng:**

- “- Theo dõi, ghi chép và phản ứng kịp thời, chính xác chỉ tiêu mua hàng về số lượng, chủng loại, qui cách, thời điểm ghi nhận mua hàng.
- Theo dõi, kiểm tra, giám sát, để thực hiện tốt kế hoạch mua hàng theo từng nguồn hàng, từng nhà cung cấp, từng đơn đặt hàng với người bán và tình hình thanh toán với nhà cung cấp.
- Cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho doanh nghiệp để xác định mức dự trữ hợp lý”

▪ **Kế toán bán hàng**

- Cập nhật Ghi chép phản ánh kịp thời các thông tin giao nhận hàng hóa hàng Kiểm tra số lượng, đơn giá của từng sản phẩm, lấy đó làm căn cứ xuất hoá đơn cho khách hàng.
- Cuối ngày vào bảng kê chi tiết các hoá đơn bán hàng và tính tổng giá trị hàng đã bán, thuế GTGT (nếu có) trong ngày.
- “Tính toán và phản ánh chính xác tổng giá tính toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, thuế giá trị gia tăng đầu ra của từng nhóm hàng, từng hoá đơn khách hàng, từng đơn vị trực thuộc (theo các cửa hàng, quầy hàng...)”.
- “Xác định chính xác giá mua thực tế của lượng hàng đã tiêu thụ đồng thời phân bổ phí thu mua cho hàng tiêu thụ nhằm xác định hiệu quả bán hàng”.
- “Kiểm tra, đôn đốc tình hình thu hồi và quản lý tiền hàng, quản lý khách nợ, theo dõi chi tiết theo từng khách hàng, lô hàng số tiền khách nợ, thời hạn và tình hình trả nợ...”
- “Tập hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời các khoản chi phí bán hàng, thực tế phát sinh và kết chuyển (hay phân bổ), cho phép bán hàng cho hàng tiêu thụ làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh”.

- “Cung cấp thông tin cần thiết về tình hình bán hàng, phục vụ cho việc chỉ đạo và điều hành kinh doanh của doanh nghiệp. Tùy theo yêu cầu quản trị mà báo cáo sẽ khác nhau giữa các đơn vị: Có thể báo cáo bán hàng theo hoá đơn, báo cáo theo mặt hàng, có thể báo cáo theo công nợ, cũng có thể báo cáo theo từng khu vực”...
- Thực hiện việc đối chiếu với thủ kho về số lượng xuất, tồn vào cuối ngày.
- Quản lý hợp đồng giao dịch với khách hàng.
- **Kế toán lương**
 - “Chăm công hằng ngày và theo dõi cán bộ công nhân viên”.
 - Tính lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên.
 - Hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương.
 - Các công việc cụ thể:
 - + “Ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về số lượng và chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động”.
 - + “Tính toán chính xác, kịp thời, đúng chính sách chế độ về các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp phải trả cho người lao động”.
 - + “Xây dựng thang bảng lương để tính lương và nộp cho cơ quan bảo hiểm”.
 - + “Thực hiện việc kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, chế độ lao động BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ”.
- **Kế toán Thuế GTGT**
 - ❖ Kiểm tra và xử lý chứng từ
 - Thu thập chứng từ: Thu thập hóa đơn mua vào, bán ra, biên lai thanh toán từ các bộ phận liên quan.
 - Kiểm tra tính hợp lệ: Kiểm tra các chứng từ để đảm bảo chúng hợp lệ theo quy định pháp luật.
 - Phân loại chứng từ: Phân loại chứng từ theo nhóm: mua vào, bán ra, thanh toán...
 - ❖ Ghi nhận các nghiệp vụ kế toán
 - Ghi sổ các giao dịch: Ghi nhận các giao dịch mua vào và bán ra vào sổ sách kế toán hoặc phần mềm kế toán.
 - Cập nhật sổ kế toán: Đảm bảo các sổ sách kế toán được cập nhật liên tục và chính xác.

- ❖ Theo dõi và quản lý công nợ
 - Theo dõi công nợ phải thu: Theo dõi công nợ phải thu từ khách hàng, đảm bảo khách hàng thanh toán đúng hạn.
 - Theo dõi công nợ phải trả: Theo dõi công nợ phải trả cho nhà cung cấp, đảm bảo thanh toán đúng hạn để hưởng các ưu đãi hoặc tránh phạt chậm trả.
- ❖ Tính toán thuế GTGT đầu vào và đầu ra
 - Tính toán thuế GTGT đầu vào: tính toán số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ từ các hóa đơn mua vào.
 - Tính toán thuế GTGT đầu ra: tính toán số thuế GTGT đầu ra phải nộp từ các hóa đơn bán ra.
- ❖ Đối chiếu số liệu
 - Đối chiếu nội bộ: Đối chiếu số liệu kế toán nội bộ giữa các bộ phận để đảm bảo tính chính xác và khớp nhau.
 - Đối chiếu với nhà cung cấp/khách hàng: Đối chiếu số liệu với các nhà cung cấp và khách hàng để đảm bảo không có sai sót.
- ❖ Lập báo cáo hàng ngày
 - Báo cáo doanh thu hàng ngày: Lập báo cáo doanh thu hàng ngày từ các hóa đơn bán ra.
 - Báo cáo chi phí hàng ngày: Lập báo cáo chi phí hàng ngày từ các hóa đơn mua vào và chi phí phát sinh khác.
- ❖ Kiểm tra và lưu trữ chứng từ
 - Kiểm tra lại chứng từ: Kiểm tra lại các chứng từ đã ghi nhận để đảm bảo không có sai sót.
 - Lưu trữ chứng từ: Lưu trữ chứng từ theo quy định để tiện tra cứu và sử dụng khi cần.
- ❖ Hỗ trợ kiểm tra và kiểm toán
 - Chuẩn bị tài liệu: Chuẩn bị tài liệu và thông tin cần thiết cho các cuộc kiểm tra nội bộ hoặc kiểm toán từ bên ngoài.
 - Hỗ trợ kiểm tra: Hỗ trợ các bộ phận khác trong doanh nghiệp trong các cuộc kiểm tra, thanh tra về thuế GTGT.
- ❖ Cập nhật và đào tạo

- Cập nhật quy định mới: Thường xuyên cập nhật các quy định, chính sách mới liên quan đến thuế GTGT.
- Đào tạo nội bộ: Tham gia hoặc tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để nâng cao nghiệp vụ và kiến thức về thuế GTGT cho bản thân và đồng nghiệp.

❖ Liên hệ và giải quyết vấn đề

- Liên hệ với cơ quan thuế: Liên hệ với cơ quan thuế để giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến thuế GTGT.
- Giải quyết các vấn đề nội bộ: Giải quyết các vấn đề nội bộ liên quan đến thuế GTGT với các bộ phận khác trong doanh nghiệp.

▪ **Thủ quỹ:**

“- Quản lý toàn bộ tiền mặt trong két sắt; quản lý chìa khoá két sắt an toàn ; Quản lý bảo trì, bảo dưỡng và các vấn đề có thể liên quan tới két sắt.

- Phân loại và kiểm tra chất lượng tiền mặt, phát hiện tiền giả và báo cáo để giải quyết vấn đề về tiền giả.

- Thực hiện việc thanh toán tiền mặt hàng ngày theo quy trình thanh toán của doanh nghiệp. Thực hiện kiểm tra lần cuối về tính hợp pháp và hợp lý của chứng từ trước khi xuất, nhập tiền khỏi quỹ.

- Thực hiện kiểm kê đối chiếu quỹ hàng ngày với kế toán tổng hợp. Lưu trữ chứng từ thu chi tiền.

- Làm việc với kế toán tổng hợp về số dư tồn quỹ nhằm phục vụ các mục tiêu kinh doanh hay đảm bảo việc chi trả lương, BH, phúc lợi khác cho nhân viên.

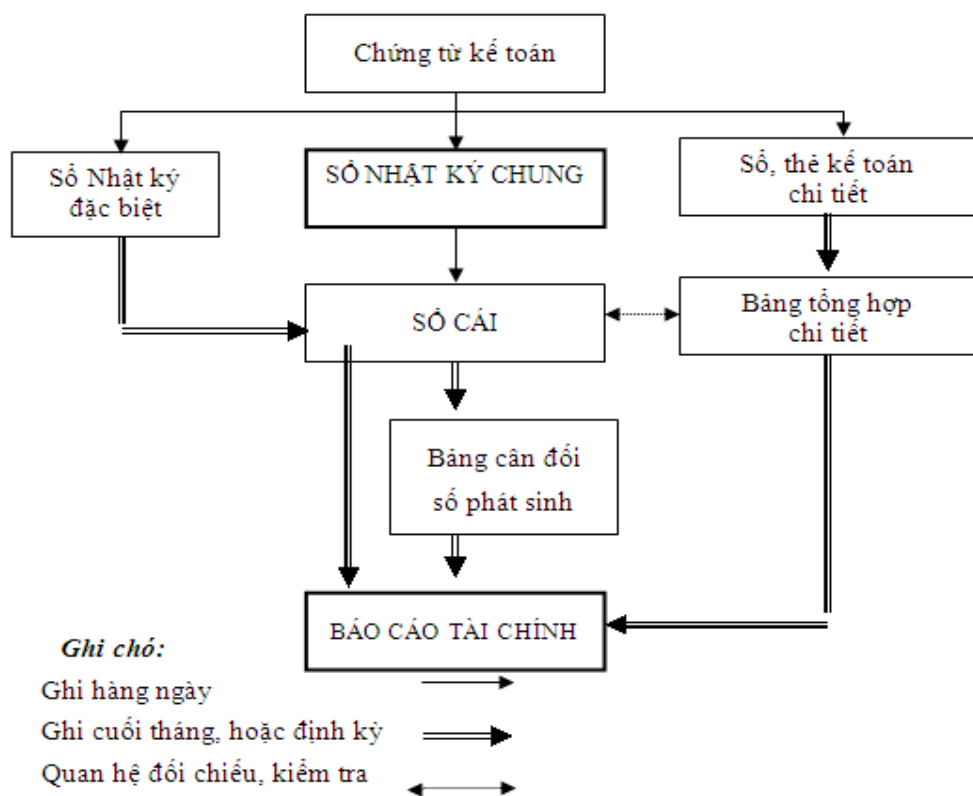
- Thực hiện các báo cáo định kỳ cho doanh nghiệp về quỹ tiền của doanh nghiệp và trình lên cấp trên.

- Thực hiện các công việc khác do Kế toán trưởng và Giám đốc giao”.

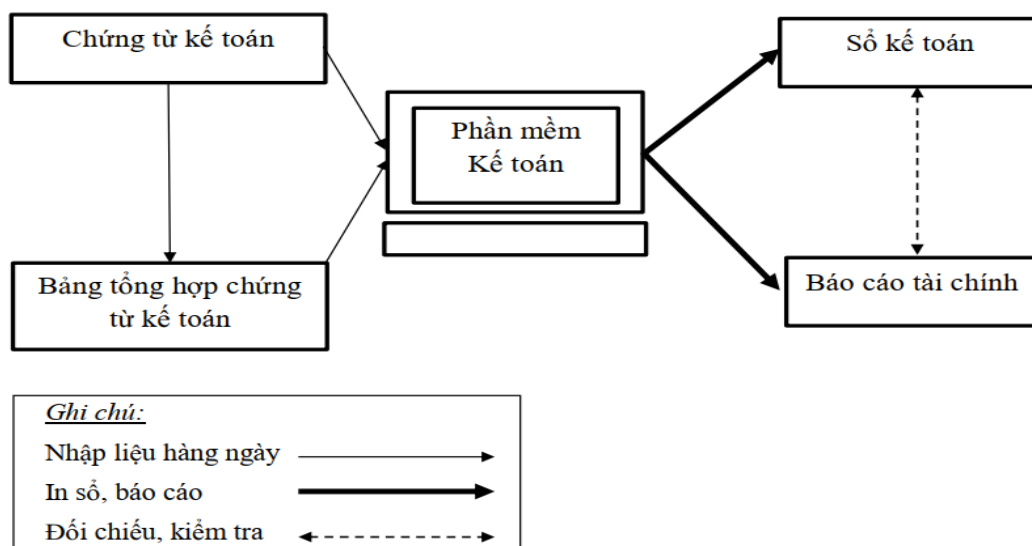
2.2.2 Đặc điểm và chính sách kế toán về tổ chức công ty

Đặc điểm:

- Chế độ kế toán áp dụng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- “Hình thức kế toán Nhật ký chung” gồm các sổ như sau: “Sổ Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt; Sổ Cái; Sổ, thẻ kế toán chi tiết”

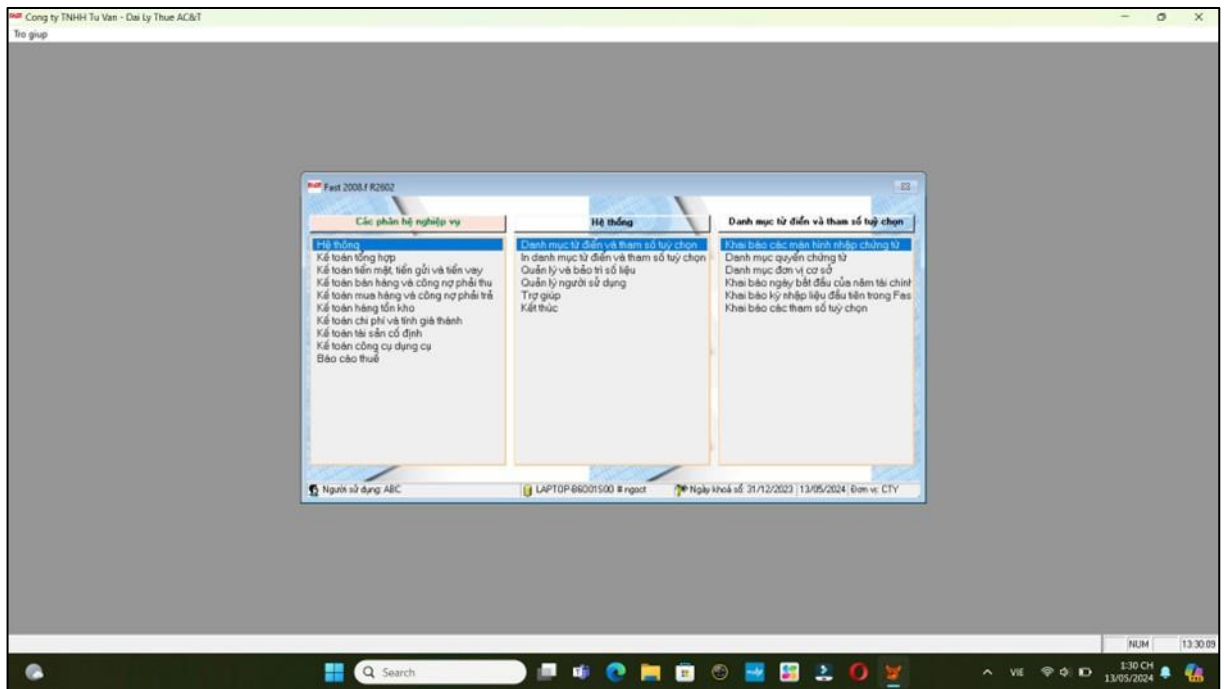


Sơ đồ 2.5 Sơ đồ hình thức Nhật ký chung



Sơ đồ 2.5 Sơ đồ xử lý chứng từ bằng phần mềm của công ty

- Tên phần mềm: **Fast Accounting**



Hình 2. 1 Giao diện làm việc của phần mềm xử lý chứng từ

Các chính sách kế toán:

- + Niên độ kế toán: Theo chu kỳ 12 tháng (bắt đầu từ 01/01 và kết thúc ngày 31/12)
- + Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam Đồng
- + Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.
- + Phương pháp khấu hao TSCĐ: phương pháp khấu hao theo đường thẳng
- + Đánh giá hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.
- + Phương pháp hạch toán HTK: phương pháp Kế khai thường xuyên
- + Nguyên tắc kế toán chi phí: phù hợp với Doanh thu, ghi nhận đầy đủ chi phí quản lý và chi phí bán hàng.
- + Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán: Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- + Hệ thống tài khoản kế toán áp dụng: Thông tư 200/2014/TT-BTC.

2.3 Thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại Công Ty TNHH Thiết Bị Năng Lượng Phong Vũ.

2.3.1 Mô tả công việc kế toán

🚦 Trình tự tiến hành

- Mục đích của kế toán thuế:

+ Lên bảng kê thuế GTGT đầu ra, đầu vào;

+ Lên tờ khai hóa đơn thuế GTGT;

+ Nộp thuế và trình bày các số liệu với cơ quan thuế.

- Công việc hàng ngày:

+ Thu thập, xử lý, sắp xếp và lưu trữ các hóa đơn, chứng từ:

- Kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của các hóa đơn, xem xét có sai lệch thông tin trên hóa đơn không.

- Tập hợp đầy đủ các hóa đơn, chứng từ có liên quan đến các nghiệp vụ phát sinh.

- Sắp xếp các hóa đơn chứng từ; lưu trữ, bảo quản cẩn thận và theo logic.

+ Cập nhật các Thông tư, Nghị định và các Văn bản pháp luật mới nhất về Thuế.

- Công việc hàng quý:

- + Lập tờ khai Thuế GTGT theo quý.

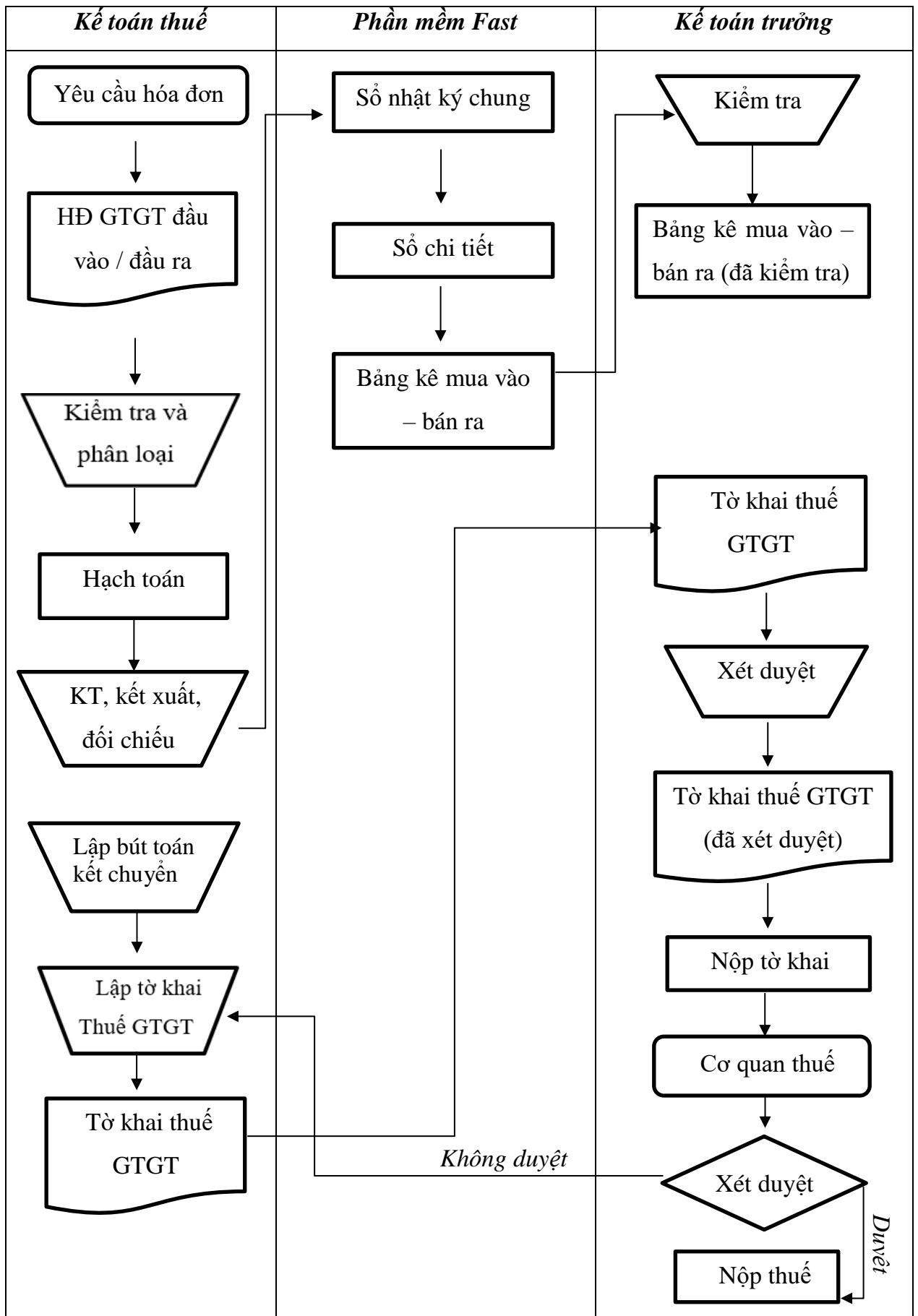
- Công việc cuối năm:

- + Lập các BCTC của năm.

- Kết quả công việc:

- + Lập tờ khai thuế, nộp thuế đúng hạn.

- + Giải thích hợp lý, chính xác số liệu với cơ quan thuế.



Lưu đồ 2.1 Quy trình kế toán Thuế GTGT

2.3.2. Mô tả các bước thực hiện

Bước 1: Kế toán thuế yêu cầu hóa đơn

Bước 2: Kế toán thuế GTGT tiếp nhận HĐ rồi kiểm tra và phân loại hóa đơn đảm bảo đầy đủ thông tin NCC/KH, số HĐ, MST, số tiền thuế

Bước 3: Từ các hóa đơn GTGT mua vào/ bán ra, kế toán thuế kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của hóa đơn.

- + Kế toán tra cứu thông tin của hóa đơn trên <https://hoadondientu.gdt.gov.vn/> để kiểm tra bên cung cấp có thông báo sử dụng hóa đơn điện tử theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP và Thông tư 78/2021/TT-BTC không.
- + Kế toán kiểm tra các thông tin như MST, mã CQT, chữ ký, con dấu,...
- + Kế toán kiểm tra nội dung hóa đơn có phù hợp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nhằm mục đích kiểm tra tính hợp lệ của hóa đơn.

Bước 4: Sau khi kiểm tra tính đúng đắn, hợp lý của hóa đơn kế toán thuế bắt đầu hạch toán lên phần mềm kế toán Fast

Bước 5: Sau khi hạch toán lên phần mềm kế toán, kế toán thuế tiếp tục kiểm tra một lần nữa, kết xuất file để đối chiếu

Bước 6: Sau khi kiểm tra lại và thấy dữ liệu đã được hạch toán chính xác. Phần mềm Fast kết xuất sổ nhật ký chung và sổ chi tiết và bảng kê mua vào – bán ra.

Bước 7: Kế toán trưởng nhận bảng kê và kiểm tra

Bước 8: Kế toán thuế lập bút toán kết chuyển thuế, sau đó lập tờ khai thuế GTGT

Bước 9: Kế toán thuế trình tờ khai thuế GTGT lên kế toán trưởng để xét duyệt

Bước 10: Kế toán trưởng tiến hành ký duyệt tờ khai và mang đi nộp cho cơ quan thuế

Bước 11: Kế toán thuế nộp tờ khai thuế GTGT đã được ký duyệt lên cơ quan thuế.

Bước 12: Nếu tờ khai được cơ quan thuế chấp nhận thì kế toán thuế tiến hành nộp thuế. Nếu tờ khai thuế GTGT bị từ chối thì quay lại bước 8

Bước 13: Kế toán trưởng nộp tờ khai thuế GTGT kèm phụ lục và tiền thuế quý của Công ty

2.4. Minh họa nghiệp vụ phát sinh tại Công ty TNHH Thiết Bị Năng Lượng Phong Vũ.

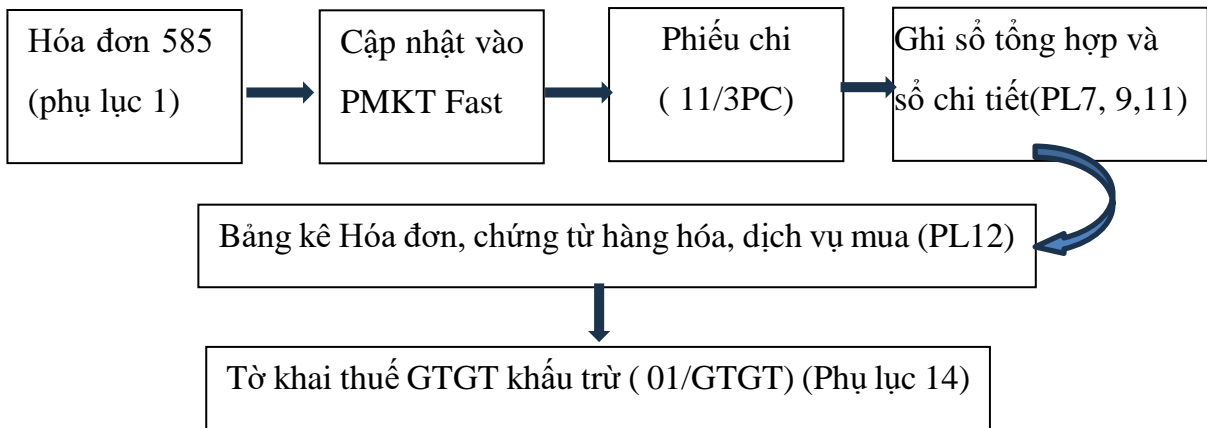
2.4.1. Kế toán Thuế Giá trị gia tăng đầu vào

Nghiệp vụ 1: Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 585 (phụ lục 1), ký hiệu 1C24TAA, ngày 01/03/2024, Công ty mua Van bi đồng MBV DN15, giá chưa thuế 497.810đ, thuế suất 10%.

❖ **Định khoản**

Nợ TK 1561 : 497.810đ
Nợ TK 1331: 49.781đ
Có TK 33111: 547.591đ

Quy trình thực hiện như sau:



Phiếu chi tiền mặt. Kỳ : 01/01/24-31/03/24

Loại phiếu chi	2	Chi cho nhà cung cấp	Ngày ht	01/03/2024
Mã khách	MINHHOA	CN Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Minh Hòa	Ngày lập pc	01/03/2024
Địa chỉ	632A Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình, TP. HCM		Quyển số	
Ng. nhận tiền			Số pc	11/3PC
Lý do chi	Thanh toán tiền, hđ 585		TGGG	VND 1,00
Tk có	1111	Tiền mặt Việt Nam	Hạn TT	0

[Hạch toán] | HĐ thuế | F4-Thêm dòng mới, F5-Tính tỷ giá ghi sổ, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	Diễn giải	Vụ việc
331111	Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD	547 591	Thanh toán tiền, hđ 585	

Sửa trường tiền Sửa tỷ giá ghi sổ Sửa thông tin thuế

Số HĐ: Phải trả ngắn hạn người bán: HĐ SXKD (VN) Tiền hh, dv: 547 591

Tổng TT: 547 591

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

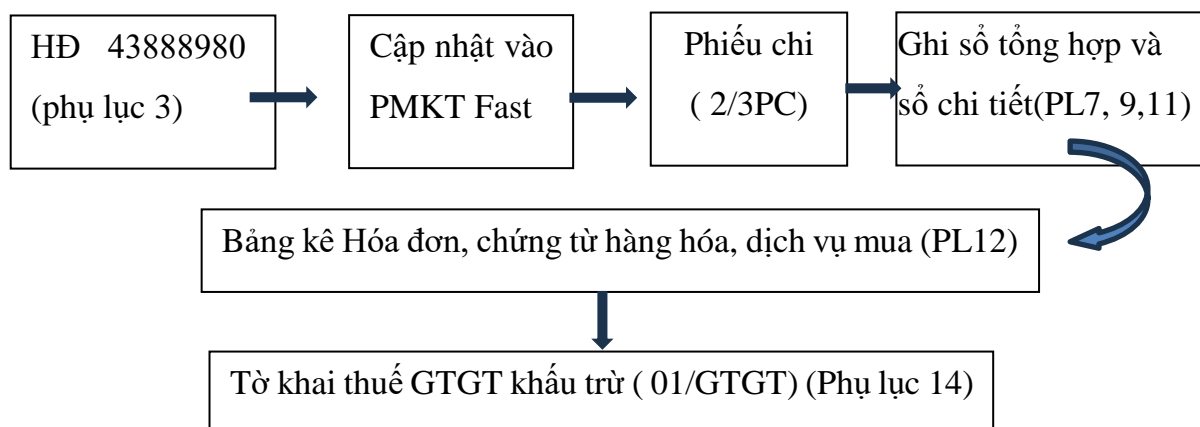
Lưu Mới Copy In chữ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

Hình 2. 2 Hạch toán HD 585 phiếu chi tiền mặt

Nhiệm vụ 3: Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 43888980 (PL 3), ký hiệu 1K24DAA, ngày 02/03/2024, Công ty chi tiền mặt thanh toán Dịch vụ FTTH của Tập Đoàn Công Nghiệp – Viễn Thông Quân Đội (Viettel), giá chưa thuế là 218.818đ, thuế suất 10%.

- ❖ Định khoản
 - Nợ TK 6427: 218.818đ
 - Nợ TK 1331: 21.818đ
 - Có TK 1111: 240.000đ

Quy trình thực hiện như sau:



FAST Phiếu chi tiền mặt

Loại phiếu chi 8 T/t chi phí trực tiếp bằng tiền Ngày ht 02/03/2024
 Mã khách VIETTEL Viettel TP HCM-CN TB Công Nghiệp-VT Quân Đội Ngày lập pc 02/03/2024
 Địa chỉ Số 1 Đường Trần Hữu Dực, P. Mỹ Đình 2, Q. Nam Từ Liêm, TP. HN Quyền số
 Ng. nhận tiền Số pc 2/3PC
 Lý do chi Cuộc viễn thông, hđ 43888980 TGGG VND 1,00
 Tk có 1111 Tiền mặt Việt Nam Hạn TT 0

Hạch toán | HD thuế | F4-Thêm dòng mới, F5-Tính tỷ giá ghi sổ, F8-Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk nợ	Tên tài khoản	Ps nợ VND	Diễn giải	HD	Ấu b
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	218 182	Cước viễn thông, hđ 43888980	1	3

Sửa trường tiền Sửa tỷ giá ghi sổ Sửa thông tin thuế

Tiền hh, dv 218 182
 Tiền thuế 21 818
 Tổng TT 240 000

Trạng thái Đã ghi sổ cái

Lưu Mới Copy In cũ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

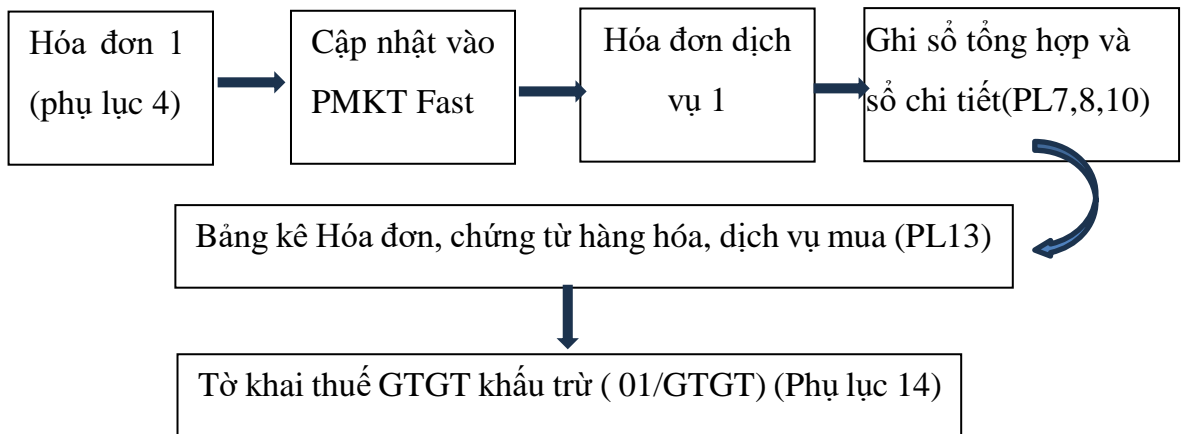
**Hình 2. 4 Hạch toán HD 43888980 phiếu chi tiền mặt
 Và tương tự với các nghiệp vụ mua hàng phát sinh trong tháng.**

2.4.2 Kế toán Thuế Giá trị gia tăng đầu ra.

Nghiệp vụ 4 : Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 1 (**phụ lục 4**), ký hiệu 1C24TPV, ngày 11/01/2024, Công ty có bán Máy nước nóng Solahart (bao gồm phí lắp đặt) + Tủ điện điều khiển và máy bơm cho Công ty Cổ Phần TMDV Xây Dựng Hải Khang với số tiền chưa thuế là 45.185.185đ, thuế suất 8%. Công ty khách hàng chưa thanh toán

❖ **Định khoản:** Nợ TK 131: 48.800.000đ
Có TK 5113: 45.185.185đ
Có TK 33311: 3.614.815đ

Quy trình thực hiện như sau:



FAST Hóa đơn dịch vụ. Kỳ: 01/01/24-31/03/24

Mã khách	HAIKHANG	Công Ty CP Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng Hải Khang	Ngày ht	11/01/2024
Địa chỉ	Số 6 Lý Tự Trọng, P. An Cư, Q. Ninh Kiều, TF		Ngày lập hđ	11/01/2024
Ng. mua hàng	MST	1801644897	Quyển số	
Diễn giải chung	Lắp đặt HT MNN NLMT Solahart 180 + Tủ + Bơm + phụ kiện		Số seri	1C24TPV
Tk nợ	131111	BPKD	Số hđ	1
Nhóm hàng			Tỷ giá	VND 1.00

Sửa trường tiền Tính thuế theo giá trước chiết khấu F4-Thêm dòng mới, F8>Xóa dòng, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Tk dt	Tên tài khoản	Mã vv	Tiền VND	Tỷ lệ ck	Ck VND	Tk ct
51131	Doanh thu bán dịch vụ: Nội địa		45 185 185	0,00	0	

Tk đ/ử với tk thuế 131111

Tiền hàng	45 185 185	Sửa HT thuế	<input type="checkbox"/>
Tiền ck		Sửa tiền thuế	<input type="checkbox"/>
Tiền sau ck	45 185 185		
Tiền thuế	3 614 815		
Tổng TT	48 800 000	Hạn TT	0

Trạng thái: Đã ghi sổ cái

Lưu Mới Copy In từ Sửa Xóa Xem In Quay ra

Hình 2. 5 Hạch toán HD 1 hóa đơn dịch vụ bán ra

Nghiệp vụ 5 : Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 2 (**phụ lục 5**), ký hiệu 1C24TPV, ngày 16/01/2024, Công ty có bán Hệ thống máy nước nóng NLMT L Premium (bao gồm phí lắp đặt) + Bộ phụ kiện kết nối máy nước nóng cho Công ty TNHH DRP INTER với số tiền chưa thuế là 48.367.820đ, thuế suất 8%. Công ty khách hàng chưa thanh toán

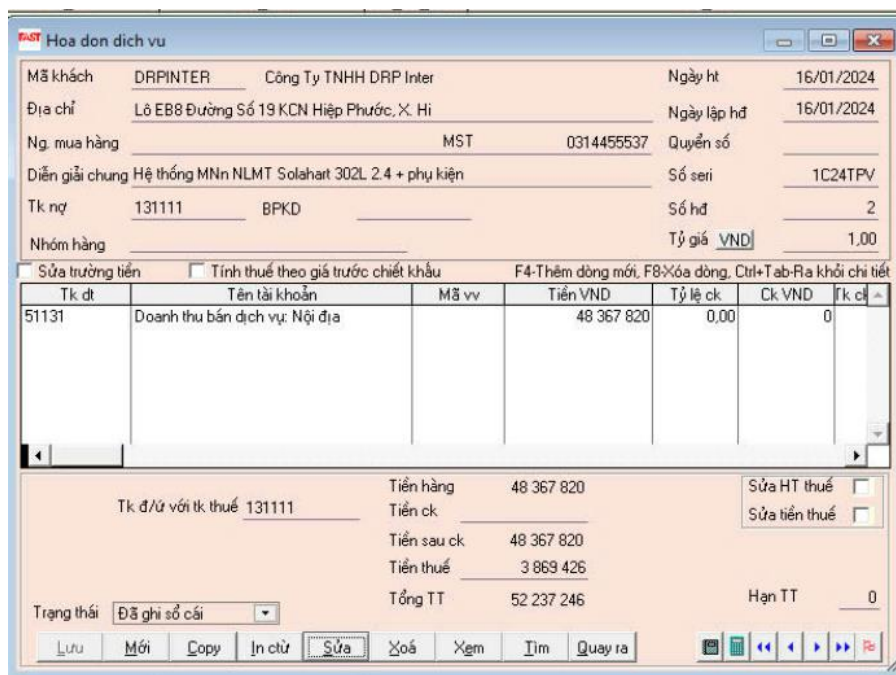
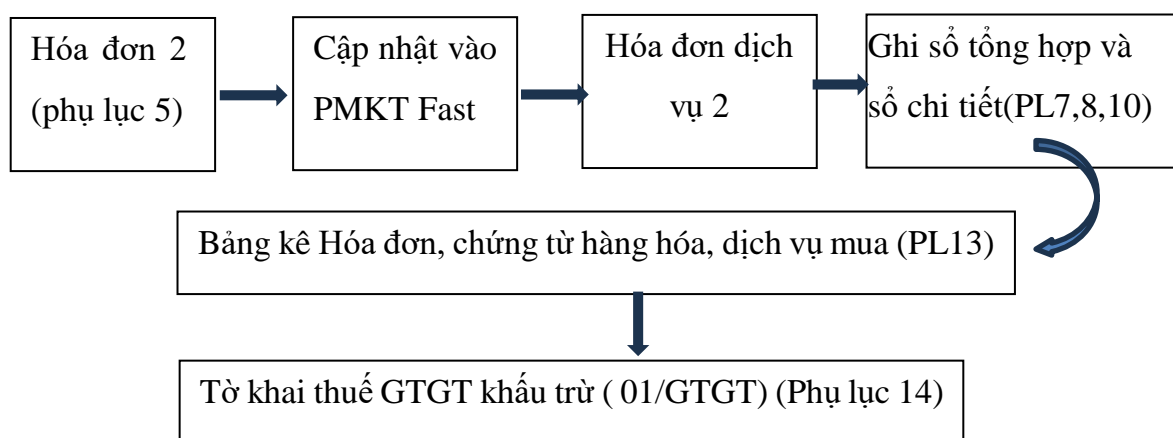
❖ **Định khoản**

Nợ TK 131: 52.237.246đ

Có TK 5113: 48.367.820đ

Có TK 33311: 3.869.426đ

Quy trình thực hiện như sau



Hình 2. 6 Hạch toán HD 2 bán hàng dịch vụ

Và tương tự với các nghiệp vụ bán hàng phát sinh trong tháng.

2.4.3. Kế toán thuế lập tờ khai Thuế GTGT và nộp thuế

Bước 4: Kế toán thực hiện các bút toán cuối kỳ, kết chuyển lên sổ cái 133 và 3331, sổ chi tiết 133 và 3331.

❖ **Chứng từ:**

+ Các hóa đơn GTGT mua vào, bán ra. (phụ lục 1 đến phụ lục 6)

❖ **Sổ kế toán:**

+ Sổ nhật ký chung (phụ lục 7)

+ Sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331 (Phụ lục 8 và 9)

+ Sổ Cái tài khoản 133 và 3331 (phụ lục 10 và 11)

❖ **Báo cáo:**

+ Bảng kê HĐ, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào. (phụ lục 12)

+ Bảng kê HĐ, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra. (phụ lục 13)

❖ **Kế toán hạch toán nghiệp vụ kết chuyển:**

Nợ TK 3331: 22.879.078đ

Có TK 133: 22.879.078đ

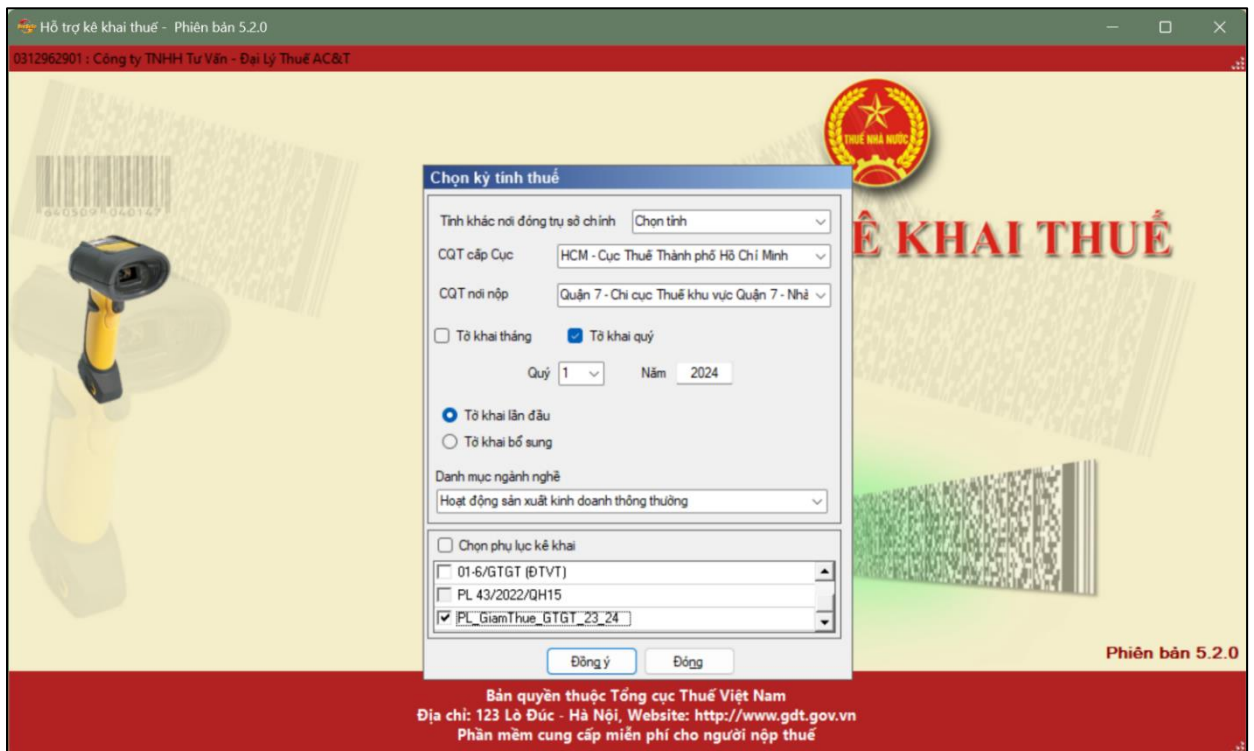
Bước 5: Căn cứ vào bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào/bán ra, kế toán thuế lập tờ khai thuế GTGT trên phần mềm gửi qua Kế toán trưởng xem xét kí duyệt (phụ lục 14)

Tag	Chi tiêu	Ds	Thuế
	Thuế Giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang:		81 524 433
	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
	Hàng hóa, dịch vụ (HHDV) mua vào		
	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ ([12] = [14] + [16]; [13] = [15] + [17])	855 545 540	68 863 906
	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong nước	855 545 540	68 863 906
	Hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu		
	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV mua vào các kỳ trước:		
	+ Điều chỉnh tăng		
	+ Điều chỉnh giảm		
	Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào ([22] = [13] + [19] - [21])		68 863 906
	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		68 863 906
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra		
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ ([24] = [26] + [27]; [25] = [28])		
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT		
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27] = [29] + [30] + [32]; [28] = [31] + [33])	3 671 000	367 100
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%		
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%		
	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	3 671 000	367 100
	Điều chỉnh thuế GTGT của HHDV bán ra các kỳ trước:		
	+ Điều chỉnh tăng		
	+ Điều chỉnh giảm		
	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([38] = [24] + [34] - [36]; [39] = [25] + [35] - [37])		
	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
	Thuế GTGT phải nộp trong kỳ ([40] = [39] - [23] - [11] > 0)		
	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này ([41] = [39] - [23] - [11] < 0)		150 388 339
	Thuế GTGT để nghị hoàn kỳ này		
	Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43] = [41] - [42])		

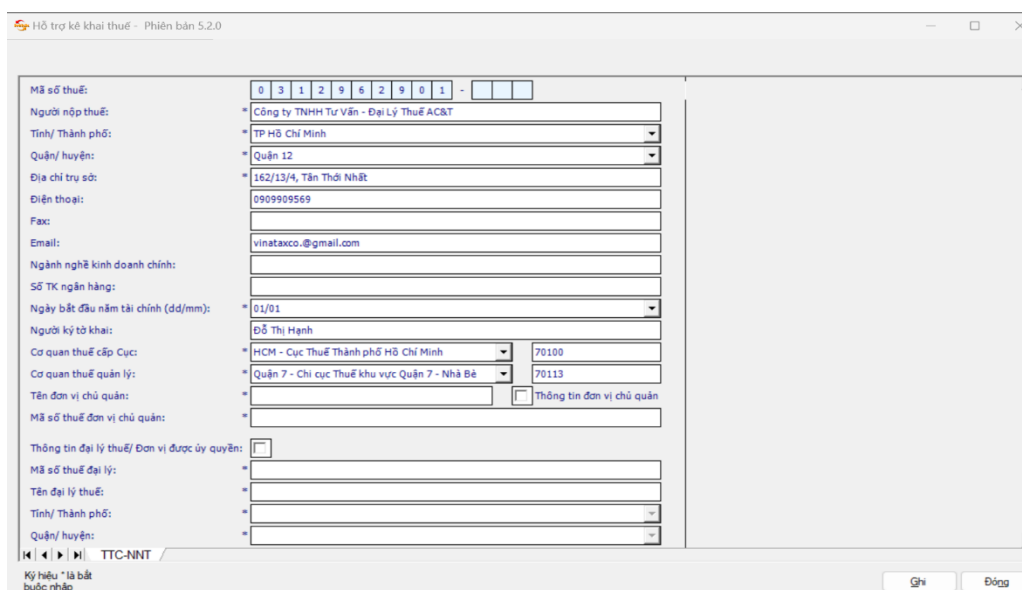
Hình 2. 8 Tờ khai thuế GTGT trên phần mềm

Căn cứ những thông tin trên, kế toán thuế lập tờ khai thuế GTGT trên phần mềm HTKK, gửi qua kế toán trưởng để xem xét, ký duyệt. Mà trước khi thực hiện bước này, trước đó kế toán phải khai báo thông tin doanh nghiệp. Sau đó bấm “Ghi” để lưu thông tin.

Tiếp theo, kế toán vào phần **Kê khai** → chọn mục **Thuế Giá trị Gia Tăng** → chọn tờ khai thuế GTGT mẫu (01/GTGT)(TT80/2021). Điền đầy đủ các thông tin “Chọn kỳ tính thuế” và bấm “Đồng ý”.



Hình 2. 9 Chọn kỳ tính thuế và phụ lục



Hình 2. 10 Khai báo thông tin người nộp thuế

Căn cứ vào bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào/bán ra, kế toán điền đầy đủ thông tin vào tờ khai.

- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang **Chỉ tiêu [22]** là: 81.524.443đ

- Tại quý IV/2022, tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào là 855.545.540đ (**Chỉ tiêu [23]**) tương ứng với số thuế GTGT được khấu trừ là 68.863.906đ

- Tại **Chỉ tiêu [32]**, tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra trong quý là 285.070.713đ, trong đó giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất là 22.879.078đ

- Do trong quý không phát sinh các **Chỉ tiêu [26], [29], [30]** và **[32a]** nên:

Chỉ tiêu [27] = [29] + [30] + [32] + [32a] = 285.070.713đ

Chỉ tiêu [28] = [31] + [33] = 22.879.078đ

- Phần mềm HTKK tự động tính tiếp: **[34] = 285.070.713đ, [35] = 22.879.078đ.**

- Thuế GTGT phát sinh trong kỳ: **[36] = [35] – [25] = (45.984.828)đ.**

- Thuế GTGT chưa được khấu trừ hết kỳ này: **[41] = 127.509.271đ.**

- Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ sau: **[43] = 127.509.271đ**

- Sau đó bấm “Ghi” và kết xuất ra file dạng XML, PDF, lưu trữ.

Hỗ trợ kê khai thuế - Phiên bản 5.2.0

[11c] Tỉnh/Thành phố:
 [11b] Quận/Huyện:
 [11a] Phường/xã:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X") [21]	<input type="checkbox"/>	
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang [22]		81.524.443
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước		
I Hàng hoá, dịch vụ mua vào trong kỳ			
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào [23]	855.545.540 [24]	68.863.906
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu [23a]	0 [24a]	0
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này [25]		68.863.906
II Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ			
	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng [26]	0	
2	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng $[(27)=[29]+[30]+[32]+[32a]]; [28]=[31]+[33]$ [27]	285.070.713 [28]	22.879.078
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0% [29]	0	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% [30]	0 [31]	0
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10% [32]	285.070.713 [33]	22.879.078
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế [32a]	0	
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra $[(34)=[26]+[27]; [35]=[28]]$ [34]	285.070.713 [35]	22.879.078
III Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ $[(36)=[35]-[25]]$ [36]			
IV Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước			
1	Điều chỉnh giảm [37]		0
2	Điều chỉnh tăng [38]		0
V Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ [39a]			
VI Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:			
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ $[(40a)=[(36)-[22]+[37]-[38]-[39a]] \geq 0$ [40a]		0
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế $[(40b) \leq [40a]]$ [40b]		0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ $[(41)=[40a]-[40b]]$ [41]		0
4	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này $[(41)=[(36)-[22]+[37]-[38]-[39a]] \leq 0$ [41]		127.509.271
4.1	Thuế giá trị gia tăng để nghị hoàn $[(42) \leq [41]]$ [42]		0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau $[(43)=[41]-[42]]$ [43]		127.509.271

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
 Họ và tên: Người ký: Đỗ Thị Hạnh
 Chứng chỉ hành nghề số: Ngày ký: 27/08/2024

Tờ khai PL GiamThuê GTGT 23 24

Hình 2. 10Tờ khai thuế GTGT Quý 1/2024 (Mẫu 01/GTGT – TT80/2021)

Do công ty còn được khấu trừ thuế GTGT cho kỳ sau nên kế toán không làm thêm bước nộp thuế.

2.5. Kết quả công việc

❖ Chứng từ kế toán áp dụng:

- Hoá đơn GTGT mua vào
- Hoá đơn GTGT bán ra

❖ Liên quan đến bút toán:

- Kế toán nghiệp vụ mua hàng:

Nợ TK 6427

Nợ TK 1331

Có TK 1111/1121/ 331

- Kế toán nghiệp vụ bán hàng:

Nợ TK 1111/1121/131

Có TK 33311

Có TK 5113

- Kết chuyển thuế GTGT cuối quý:

Nợ TK 33311

Có TK 1331

❖ Liên quan đến sổ kế toán:

- Sổ Nhật ký chung (Mẫu S03a-DNN). (**phụ lục 7**)

- Sổ Cái (Mẫu S03b-DNN).

+ Sổ Cái tài khoản 133 và 3331 (**phụ lục 8 và 9**)

- Sổ Chi tiết tài khoản (Mẫu S19-DNN)

+ Sổ chi tiết tài khoản 133 và 3331 (**Phụ lục 10 và 11**)

❖ Liên quan đến loại báo cáo kế toán, báo cáo thuế:

- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ bán ra (Mẫu số: 01-1/GTGT).(**Phụ lục 1+2+3**)

- Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào (Mẫu số:01-2/GTGT).(**Phụ lục 4+5+6**)

- Tờ khai thuế GTGT (mẫu 01/GTGT – TT80/2021). (**Phụ lục 14**)

- Phụ lục giảm thuế Giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15.(**Phụ lục 15**)

❖ Hình thức của các chứng từ, sổ kế toán của doanh nghiệp có liên quan đến công việc kế toán thuế GTGT

- Công ty áp dụng biểu mẫu của các chứng từ, sổ sách và báo cáo theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

2.6. Kiểm tra kết quả công việc

❖ Người kiểm tra kết quả công việc: Kế toán trưởng

❖ Định kỳ kiểm tra: Mỗi tháng 1 lần

❖ Cách thức kiểm tra:

- Kiểm tra nội dung chứng từ xem các hoạt động kinh tế tài chính ghi trong chứng từ có hợp pháp, đúng sự thật, đúng với chế độ thể lệ hiện hành.

- Kiểm tra việc ghi chép vào các sổ kế toán: Kiểm tra đối chiếu, đúng sự thật, đúng với chứng từ kế toán, rõ ràng rành mạch, hợp lý, hợp lệ, hợp pháp.

- Kiểm tra các bút toán khấu trừ, kiểm tra số thuế GTGT còn được khấu trừ hay phải nộp đã chính xác hay không?

- Kiểm tra các hoá đơn GTGT xem có còn thiếu sót hay trùng, trường hợp nếu có, yêu cầu bộ phận kế toán có liên quan bổ sung, xử lý.

CHƯƠNG 3:

NHẬN XÉT VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ TẠI CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ

3.1: Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH Thiết Bị Năng Lượng Phong Vũ

3.1.1 Sự cần thiết

Kế toán thuế Giá trị Gia tăng (GTGT) đóng vai trò thiết yếu trong hoạt động tài chính chính của doanh nghiệp, giúp đảm bảo thủ pháp luật, quản lý dòng tiền và tối ưu hóa chi phí thuế. Thực hiện công tác kế toán thuế VAT chính xác không chỉ giúp doanh nghiệp tránh được các rủi ro pháp lý và truy thu từ cơ quan thuế mà vẫn đảm bảo hoạt động trừ thuế đầu vào một cách hiệu quả, từ đó giảm thiểu số thuế phải nộp. Đồng thời, nó cũng giúp doanh nghiệp tận dụng quyền lợi khấu trừ thuế, tối ưu hóa chi phí và đảm bảo tính minh bạch trong báo cáo tài chính chính. Bên cạnh đó, kế toán VAT còn hỗ trợ doanh nghiệp trong việc lập báo cáo tài chính bạch bạch, tạo uy tín cho đối tác và cơ quan thuế, đồng thời cung cấp dữ liệu quan trọng để quyết định kinh doanh.

Vì vậy, công tác kế toán thuế VAT không chỉ là yêu cầu bắt buộc mà còn là một công cụ quản lý tài chính quan trọng, giúp doanh nghiệp phát triển bền vững.

3.1.2 Yêu cầu hoàn thiện

➤ Ưu điểm

- Về tổ chức bộ máy kế toán, Công ty tổ chức bộ máy kế toán nhìn chung là khoa học và có hiệu quả phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty, chế độ của Nhà nước.
- Để đáp ứng được nhu cầu về nhân lực thích hợp với việc ứng dụng phần mềm, đội ngũ kế toán viên của công ty là những kế toán trẻ, năng động, sáng tạo.

➤ Nhược điểm

- Phần mềm đôi khi gặp lỗi trong quá trình xử lý số liệu.
- Tuy nhiên việc lưu trữ dữ liệu của công ty đã chuyển hoàn toàn từ lưu trữ kiểu đóng quyển sang lưu trữ ổ đĩa, phần mềm là có sự thay đổi tích cực nhưng vẫn có những rủi ro có thể xảy ra như virus, hacker đánh cắp dữ liệu,...

- Số lượng nhân viên của công ty còn ít nên sự phân công phân nhiệm giữa các phòng ban còn hạn chế, một nhân viên kiêm nhiệm nhiều phần hành khác nhau, do đó dễ xảy ra các gian lận, sai sót khó có thể phát hiện và ngăn chặn.

3.2. Giải pháp

3.2.1. Giải pháp về công tác tổ chức bộ máy kế toán

Giải pháp 1: Nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ kế toán.

- Đào tạo liên tục: Cần thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo về cập nhật quy định pháp luật, các thay đổi trong chính sách, và các kỹ năng kế toán chuyên sâu cho nhân viên.
- Hỗ trợ nâng cao kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán: Đảm bảo tất cả các nhân viên kế toán đều thông thạo các phần mềm kế toán và công cụ hỗ trợ quản lý thuế hiện đại, giúp nâng cao hiệu quả và độ chính xác trong công việc.

Giải pháp 2: Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán thuế

- Sử dụng phần mềm kế toán chuyên dụng: Doanh nghiệp nên đầu tư vào phần mềm kế toán chuyên dụng có tích hợp các chức năng quản lý thuế GTGT và TNDN, giúp tự động hóa các quy trình kê khai, tính toán thuế, lập báo cáo và khấu trừ thuế.
- Liên kết hệ thống kế toán với hệ thống quản lý doanh nghiệp: Điều này giúp đảm bảo dữ liệu được quản lý chặt chẽ, thông tin kinh tế tài chính được cập nhật liên tục và có thể dễ dàng truy xuất khi cần thiết.

Giải pháp 3: Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ chặt chẽ.

- Thiết lập quy trình kiểm tra và đối chiếu định kỳ: Thường xuyên kiểm tra, đối chiếu các số liệu để đảm bảo tính hợp lý và chính xác của các số liệu, tránh sai sót hoặc gian lận.
- Phân quyền kiểm soát: Đảm bảo rằng có sự phân quyền hợp lý giữa các bộ phận trong việc xử lý và phê duyệt các giao dịch liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp, tránh tình trạng xung đột lợi ích hoặc sai sót không được phát hiện kịp thời.

Giải pháp 4: Thiết lập mối quan hệ tốt với cơ quan thuế.

- Tạo mối quan hệ tốt với cơ quan thuế: Kế toán trưởng và các nhân viên kế toán cần duy trì mối quan hệ hợp tác tốt với cơ quan thuế địa phương để nhận được sự hỗ trợ kịp thời trong quá trình kê khai, nộp thuế và giải quyết các vướng mắc.
- Tham gia các buổi tập huấn, hội thảo: Tham dự các buổi tập huấn, hội thảo do cơ quan thuế tổ chức để cập nhật kiến thức, giải đáp thắc mắc và trao đổi kinh nghiệm với các doanh nghiệp khác.

3.2.2. Giải pháp về công tác kế toán thuế giá trị gia tăng tại công ty TNHH Thiết Bị Năng Lượng Phong Vũ

Trên cơ sở những phân tích về ưu, nhược điểm đã nêu ở phần trên về công tác kế toán thuế GTGT tại công ty TNHH Thiết Bị Năng Lượng Phong Vũ kết hợp với những lý luận đã được học và nghiên cứu ở trường, em xin đưa ra một số giải pháp như sau:

- Thứ nhất, công ty tiếp tục cố gắng duy trì và phát huy hơn nữa những ưu điểm về công tác kế toán thuế GTGT để có thể thực hiện tốt nghĩa vụ của mình đối với nhà nước.
- Thứ hai, kế toán trong công ty phải không ngừng trau dồi kinh nghiệm, thường xuyên tham gia các buổi tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của mình.
- Thứ ba, kế toán trưởng phân bổ lại công việc của các nhân viên, tránh tập trung nhiều công việc vào một người giúp giảm bớt áp lực và hoàn thành công việc được tốt hơn.
- Thứ tư, công ty nên mở thêm một sổ Nhật ký chuyên dùng để theo dõi một số loại nghiệp vụ chủ yếu như mua hàng, bán hàng, chi tiền, thu tiền, để cuối tháng kế toán thuế có thể lấy số liệu tổng hợp từ các Nhật ký chuyên dùng đó để đối chiếu số liệu đã tổng hợp được trên các sổ cái.

KẾT LUẬN

Trong quá trình nghiên cứu về thuế giá trị gia tăng (VAT), em đã có cơ hội tìm hiểu sâu về chất, vai trò, cũng như những hoạt động mà VAT mang lại cho doanh nghiệp. Từ những lý thuyết và phân tích thực tiễn, có thể thấy rằng VAT là một trong những nguồn thu quan trọng của ngân sách nhà nước, đảm bảo nguồn tài chính cho các hoạt động công ích và phát triển xã hội.

Em đã kết hợp với những kiến thức được trang bị trong nhà trường với tình hình thực tế tại Công ty, em đã tìm hiểu sâu hơn về thực trạng kế toán thuế GTGT. Từ những kiến thức thực tế cộng với những gì mà em được chỉ dẫn từ các anh/chị Công ty đã giúp em trải nghiệm nhiều kiến thức thực tiễn mà tại nhà trường chưa được học.

Khi xem xét tình hình thực tế của Công ty em đã đưa ra những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán; bên cạnh đó em cũng có đưa ra một số kiến nghị với nguyện vọng để Công ty tham khảo nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Tuy rằng những ý kiến của em được đưa ra dưới góc độ là một sinh viên nhưng em hy vọng rằng nó sẽ được Công ty xem là một ý kiến đóng góp. Do quá trình nghiên cứu thực tế cùng với trình độ bản thân còn nhiều hạn chế nên bài báo cáo của em có thể có những sai sót. Em rất mong nhận được sự góp ý tích cực từ Quý thầy cô, các anh/chị kế toán của Công ty để bài báo cáo của mình được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn nhiệt tình của giảng viên hướng dẫn **Phạm Thị Phương Thúy**, Giám đốc và các anh, chị kế toán tại Công ty TNHH Thiết Bị Năng Lượng Phong Vũ đã luôn giúp đỡ em một cách tận tình.

Kính chúc Quý Thầy/Cô **Trường Đại học Nguyễn Tất Thành** luôn luôn vui khỏe, sung túc và hạnh phúc trên con đường đi đấng các thế hệ sinh viên đến cánh cửa tương lai.

Em xin gửi lời chúc sức khỏe đến toàn thể ban lãnh đạo và các anh chị tại Công ty TNHH Thiết Bị Năng Lượng Phong Vũ. Chúc Quý Công ty ngày càng thành công và phát triển.



Trân trọng!

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Hóa đơn GTGT số 0000585

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Van bi đồng MBV DN15	Cái	10	49.781	497.810
Cộng tiền hàng (Total amount):					497.810
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):		49.781	
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					547.591
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm chín mươi mốt đồng					
NGƯỜI MUA HÀNG (Buyer) (Ký, ghi rõ họ, tên) (Sign, full name)		CƠ QUAN THUẾ (Ký, đóng dấu) (Sign, full name)		NGƯỜI BÁN HÀNG (Seller) (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên) (Sign, full name)	
		Signature Valid Ký bởi: CN=TỔNG CỤC THUẾ, O=BỘ TÀI CHÍNH, L=Hà Nội, C=VN Ký ngày: 01/03/2024 15:03:27		Signature Valid Ký bởi: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ MINH HÒA Ký ngày: 01/03/2024 15:03:22	
Tra cứu hóa đơn tại website: https://0100372266-005-tt78.vnpt-invoice.com.vn/ Mã tra cứu: 00283C94DA05094882B249967B64386E79					
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					
Đơn vị cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Trung tâm Kinh doanh VNPT TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông, MST: 0106869738 - 005, Điện thoại: 180012600					

Phụ lục 2: Hóa đơn GTGT số 00000495

  HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)		Ký hiệu (Serial): 1C24THM Số (No.): 495						
Bản thể hiện của hóa đơn điện tử (Electronic invoice display)								
Ngày (date) 08 tháng (month) 01 năm (year) 2024								
Đơn vị bán hàng (Issued): CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ VÀ GIA DỤNG TÂN Á ĐẠI THÀNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH Mã số thuế (Tax code): 0108705693-008 Địa chỉ (Address): Số 220 Trịnh Thị Miếng, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam Điện thoại (Phone number): Số tài khoản (Account No.): Tại								
Họ tên người mua hàng (Buyer name): Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ Mã số thuế (Tax code): 0312962901 Địa chỉ (Address): 17 Đường số 37, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK/BTCN Số tài khoản (Account No.): Ghi chú (Note):								
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế suất	Tiền thuế	Thành tiền sau thuế
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Chân Bồn Inox 1.700, 2.000D ĐK1170	Cái	1			10%		
2	Thân Bồn Inox Đại Thành 2.000D ĐK1170	Cái	1	6.608.183	6.608.183	10%	660.818	7.269.001
Cộng tiền hàng hóa, dịch vụ:					6.608.183		660.818	7.269.001
Tổng cộng tiền thanh toán:								
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn không trăm lẻ một đồng.								
Tổng tiền không chịu thuế: Tổng tiền chịu thuế 0%: Tổng tiền chịu thuế 5%: Tổng tiền chịu thuế 8%: Tổng tiền chịu thuế 10%: 6.608.183								
Tổng tiền thuế GTGT 5%: Tổng tiền thuế GTGT 8%: Tổng tiền thuế GTGT 10%: 660.818								
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)				Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Signature valid Ký bởi CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ VÀ GIA DỤNG TÂN Á ĐẠI THÀNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH Ký ngày 08/01/2024				
Mã của cơ quan thuế: 0067ABC435A1A342739F69955272A6535E Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106 Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search . Mã số bí mật: NZJ1Y377ERNQ8NO.								

Phụ lục: 3 : Hóa đơn GTGT số 43888980

 viettel Theo cách của bạn	HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) <i>BẢN THẺ HIỆN CỦA HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ</i>		Ký hiệu: 1K24DAA Số: 43888980 Ngày lập: 02/03/2024			
	TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI Lô D26 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam Mã số thuế: 0100109106					
Họ tên người mua hàng: Công Ty TNHH Thiết Bị Năng Lượng Phong Vũ Tên đơn vị: Công Ty TNHH Thiết Bị Năng Lượng Phong Vũ Địa chỉ: 17 Đường số 37, P. Bình Thuận Q.07 TPHCM Số thuế bao: Đại diện (1008_gfth_vuctttbnp) Số hợp đồng: 602023243/1400590006/17102017						
Mã số thuế: 0312962901 Ký cước: Tháng 02/2024 Hình thức thanh toán: TM/CK						
STT	DIỄN GIẢI	SỐ LƯỢNG TB	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT(%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	b	c	f	2	3 = 1x2	4 = 1+3
1	Dịch vụ FTTH	01	218.182	10%	21.818	240.000
CỘNG			218.182		21.818	240.000
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN						
SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ: Hai trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn						
			Ký bởi: TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI Ký ngày: 02/03/2024			
Website tra cứu hóa đơn: https://vietteltelecom.vn/hoadonlientu/ Mã số tra cứu: 31AFDKTJCC						

Phụ lục 4: Hóa đơn GTGT số 1

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
1	Máy nước nóng Solahart 180lt 2.4kw 1 x L Pitched (Bao gồm nhân công lắp đặt)	bộ	1	33.796.000	33.796.000
2	Tủ điện điều khiển (Bao gồm nhân công)	cái	1	5.972.000	5.972.000
3	Máy bơm Wilo PH-045 (Bao gồm nhân công)	cái	1	1.574.000	1.574.000
4	Bộ phụ kiện kết nối máy nước nóng và máy bơm (Bao gồm nhân công)	bộ	1	3.843.185	3.843.185

Cộng tiền hàng (Total amount): 45.185.185
Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.614.815
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 48.800.000


Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng**

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Buyer, sign and full name)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Seller, sign and full name)
---	--

Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NẮNG LƯỢNG PHONG VŨ**
Ký ngày 11 tháng 01 năm 2024

Trang (page) 1 / 1
(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
Mã của cơ quan thuế: **00AAB26D80B3334B3A8F03F8CAD6288AD0**
(Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại <http://tracuu.evnt.vn>, mã tra cứu: **NTXES1YUWB**, mã công ty: **0312962901**)
(Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)

Phụ lục 5 : Hóa đơn GTGT số 2

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
			Ký hiệu (Serial): 1C24TPV		
			Số (No.): 2		
(VAT INVOICE)					
Ngày (Date) 16 tháng (month) 01 năm (year) 2024					
CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ					
Mã số thuế (Tax code): 0312962901					
Địa chỉ (Address): 17 Đường số 37, Phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam					
Điện thoại (Tel): 02866803825 Email: phongvuaea.co@gmail.com					
Số tài khoản(A/C No.): 060232020655 - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) - CN Quận 7					
Họ tên người mua hàng (Customer's name) : _____					
Tên đơn vị (Company's name) : CÔNG TY TNHH DRP INTER					
Mã số thuế (Tax code) : 0314455537					
Địa chỉ (Address) : Lô EB8, Đường số 19A, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, TPHCM					
Hình thức thanh toán (Payment method) : CK (Bank transfer) Số tài khoản (A/C Bank) : _____					
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Price)	Thành tiền (Amount)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=4x5)
1	Hệ thống máy nước nóng NLMT L Premium Solahart 300L (SOLAHART 302L 2.4KW. Bao gồm nhân công lắp đặt)	bộ	1	45.500.000	45.500.000
2	Bộ phụ kiện kết nối máy nước nóng NLMT (Bao gồm nhân công lắp đặt)	bộ	1	2.867.820	2.867.820
				Cộng tiền hàng (Total amount):	48.367.820
Thuế suất GTGT (VAT rate) : 8%				Tiền thuế GTGT (VAT amount) :	3.869.426
				Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):	52.237.246
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm mươi hai triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn hai trăm bốn mươi sáu đồng					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Buyer, sign and full name)			Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) (Seller, sign and full name)		
			<div style="border: 1px solid red; padding: 5px; display: inline-block;">Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ Ký ngày 16 tháng 01 năm 2024 </div>		
Trang (page) 1 / 1 (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn) Mã của cơ quan thuế: 00909AD8F8F0FF4BCAA6F2478CD89D25E5 (Hóa đơn Điện tử được tra cứu trực tuyến tại http://tracuu.evatt.vn , mã tra cứu: 4UHIGM5VVZ , mã công ty: 0312962901) (Cung cấp giải pháp hóa đơn điện tử: Công Ty TNHH Win Tech Solution - MST: 0312303803 - www.win-tech.vn)					

Phụ lục 7: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ
Địa chỉ: 17 Đường số 37, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm

Đơn vị tính: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số cái	STT dòng	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày, tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
Số trạng trước chuyển sang								
02/01/2024	1/1PC	01/02/2024	Cước viên thông, hđ 413740	X	1	6427	80.000	-
02/01/2024	1/1PC	02/01/2024	Cước viên thông, hđ 413740	X	2	1111	-	80.000
02/01/2024	1/1PC	02/01/2024	Cước viên thông, hđ 413740	X	3	13311	8.000	-
02/01/2024	1/1PC	02/01/2024	Cước viên thông, hđ 413740	X	4	1111	-	8.000
02/01/2024	2/1PC	02/01/2024	Cước viên thông, hđ 7907013	X	5	6427	1.018.839	-
02/01/2024	2/1PC	02/01/2024	Cước viên thông, hđ 7907013	X	6	1111	-	1.018.839
02/01/2024	2/1PC	02/01/2024	Cước viên thông, hđ 7907013	X	7	13311	101.884	-
02/01/2024	2/1PC	02/01/2024	Cước viên thông, hđ 7907013	X	8	1111	-	101.884
02/01/2024	3/1PC	02/01/2024	Cước viên thông, hđ 7933425	X	9	6427	218.182	-
02/01/2024	3/1PC	02/01/2024	Cước viên thông, hđ 7933425	X	10	1111	-	218.182
02/01/2024	3/1PC	02/01/2024	Cước viên thông, hđ 7933425	X	11	13311	21.818	-
02/01/2024	3/1PC	02/01/2024	Cước viên thông, hđ 7933425	X	12	1111	-	21.818
02/01/2024	14/1PC	02/01/2024	Trả tiền do thu nhập	X	13	131111	16.848.000	-
02/01/2024	14/1PC	02/01/2024	Trả tiền do thu nhập	X	14	1111	-	16.848.000
02/01/2024	7/1BN	02/01/2024	Thu tiền, hđ	X	15	11213	50.000.000	-
02/01/2024	7/1BN	02/01/2024	Thu tiền, hđ	X	16	131111	-	50.000.000
03/01/2024	01/1BN	03/01/2024	Thanh toán tiền	X	17	331111	30.000.000	-
03/01/2024	01/1BN	03/01/2024	Thanh toán tiền	X	18	11212	-	30.000.000
03/01/2024	10/1BN	03/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 1191	X	19	6427	14.000	-
03/01/2024	10/1BN	03/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 1191	X	20	11212	-	14.000
03/01/2024	10/1BN	03/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 1191	X	21	13311	1.400	-
03/01/2024	10/1BN	03/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 1191	X	22	11212	-	1.400
06/01/2024	01/1BC	06/01/2024	Nộp tiền mặt	X	23	11212	98.000.000	-
06/01/2024	01/1BC	06/01/2024	Nộp tiền mặt	X	24	1111	-	98.000.000
06/01/2024	1/1PN	06/01/2024	Nhập hàng, hđ 12	X	25	331111	-	26.410.050
06/01/2024	1/1PN	06/01/2024	Máy bơm Wilo PBI-203EA	X	26	13311	1.956.300	-
06/01/2024	1/1PN	06/01/2024	Nhập hàng, hđ 12	X	27	1561	24.453.750	-
06/01/2024	2/1PN	06/01/2024	Nhập hàng, hđ 14	X	28	331111	-	2.963.790
06/01/2024	2/1PN	06/01/2024	Máy bơm Wilo PW - 175E	X	29	13311	219.540	-
06/01/2024	2/1PN	06/01/2024	Nhập hàng, hđ 14	X	30	1561	2.744.250	-
08/01/2024	02/1BN	08/01/2024	Thanh toán tiền, hđ	X	31	331111	178.137.360	-
08/01/2024	02/1BN	08/01/2024	Thanh toán tiền, hđ	X	32	11212	-	178.137.360
08/01/2024	03/1BN	08/01/2024	Thanh toán tiền, hđ	X	33	331111	5.443.200	-
08/01/2024	03/1BN	08/01/2024	Thanh toán tiền, hđ	X	34	11212	-	5.443.200
08/01/2024	11/1BN	08/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 3062	X	35	6427	14.000	-
08/01/2024	11/1BN	08/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 3062	X	36	11212	-	14.000
08/01/2024	11/1BN	08/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 3062	X	37	13311	1.400	-
08/01/2024	11/1BN	08/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 3062	X	38	11212	-	1.400
08/01/2024	12/1BN	08/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 3114	X	39	6427	14.000	-
08/01/2024	12/1BN	08/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 3114	X	40	11212	-	14.000
08/01/2024	12/1BN	08/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 3114	X	41	13311	1.400	-
08/01/2024	12/1BN	08/01/2024	Phí ngân hàng, hđ 3114	X	42	11212	-	1.400
08/01/2024	8/1BN	08/01/2024	Thu tiền	X	43	11213	56.400.001	-
08/01/2024	8/1BN	08/01/2024	Thu tiền	X	44	131111	-	56.400.001
08/01/2024	02/1BC	08/01/2024	Nộp tiền mặt	X	45	11212	75.000.000	-
08/01/2024	02/1BC	08/01/2024	Nộp tiền mặt	X	46	1111	-	75.000.000
08/01/2024	03/1BC	08/01/2024	Nộp tiền mặt	X	47	11212	6.415.200	-
08/01/2024	03/1BC	08/01/2024	Nộp tiền mặt	X	48	1111	-	6.415.200
08/01/2024	3/1PN	08/01/2024	Nhập hàng, hđ 2	X	49	331111	-	5.443.200
08/01/2024	3/1PN	08/01/2024	Van tuần hoàn nước năng tự động DN25.DN16	X	50	13311	403.200	-
08/01/2024	3/1PN	08/01/2024	Nhập hàng, hđ 2	X	51	1561	5.040.000	-
08/01/2024	4/1PN	08/01/2024	Nhập hàng, hđ 130	X	52	331111	-	7.265.601
08/01/2024	4/1PN	08/01/2024	Thảm bồn inox Đại Thành 2000N DK1170 + Chân bồn	X	53	13311	660.818	-
08/01/2024	4/1PN	08/01/2024	Nhập hàng, hđ 495	X	54	1561	6.608.183	-
09/01/2024	8/1BN	09/01/2024	Nộp thuế Môn bài năm 2024	X	55	33382	2.000.000	-
09/01/2024	8/1BN	09/01/2024	Nộp thuế Môn bài năm 2024	X	56	11213	-	2.000.000
09/01/2024	10/1PC	09/01/2024	Thanh toán tiền, hđ 106	X	57	331111	2.526.584	-
09/01/2024	10/1PC	09/01/2024	Thanh toán tiền, hđ 106	X	58	1111	-	2.526.584
09/01/2024	04/1BC	09/01/2024	Thanh toán tiền, hđ 74	X	59	11212	16.848.000	-
09/01/2024	04/1BC	09/01/2024	Thanh toán tiền, hđ 74	X	60	131111	-	16.848.000
09/01/2024	5/1PN	09/01/2024	Nhập hàng, hđ 106	X	61	331111	-	2.526.584
09/01/2024	5/1PN	09/01/2024	Van Cửa PPR DN25	X	62	13311	187.154	-
09/01/2024	5/1PN	09/01/2024	Nhập hàng, hđ 106	X	63	1561	2.339.430	-
10/01/2024	9/1BN	10/01/2024	Thu tiền, hđ 17+10+09	X	64	11213	65.757.642	-
10/01/2024	9/1BN	10/01/2024	Thu tiền, hđ 17+10+09	X	65	131111	-	65.757.642
11/01/2024	15/1PC	11/01/2024	Thanh toán tiền, hđ 133	X	66	331111	8.570.002	-
11/01/2024	15/1PC	11/01/2024	Thanh toán tiền, hđ 133	X	67	1111	-	8.570.002
11/01/2024	6/1PN	11/01/2024	Nhập hàng, hđ 37	X	68	331111	-	178.137.360
11/01/2024	6/1PN	11/01/2024	Máy nước năng 181L 2.4KW	X	69	13311	13.195.360	-
11/01/2024	6/1PN	11/01/2024	Nhập hàng, hđ 37	X	70	1561	164.942.000	-
11/01/2024	7/1PN	11/01/2024	Nhập hàng, hđ 133	X	71	331111	-	8.570.002
11/01/2024	7/1PN	11/01/2024	Thộp V	X	72	13311	779.091	-
11/01/2024	7/1PN	11/01/2024	Nhập hàng, hđ 130	X	73	1561	-	7.739.211
11/01/2024	1	11/01/2024	Lắp đặt HT MNN NLMT Solahart 180 + Tủ + Bơm + phụ kiện	X	74	131111	45.185.185	-
11/01/2024	1	11/01/2024	Lắp đặt HT MNN NLMT Solahart 180 + Tủ + Bơm + phụ kiện	X	75	51131	-	45.185.185
11/01/2024	1	11/01/2024	Lắp đặt HT MNN NLMT Solahart 180 + Tủ + Bơm + phụ kiện	X	76	131111	3.614.815	-
11/01/2024	1	11/01/2024	Lắp đặt HT MNN NLMT Solahart 180 + Tủ + Bơm + phụ kiện	X	77	33311	-	3.614.815
01/13/2024	1/1BN	01/13/2024	Thanh toán tiền	X	78	331111	262.157.040	-
01/13/2024	1/1BN	01/13/2024	Thanh toán tiền	X	79	11213	-	262.157.040
01/13/2024	13/1BN	01/13/2024	Phí ngân hàng, hđ 12136	X	80	6427	14.000	-
01/13/2024	13/1BN	01/13/2024	Phí ngân hàng, hđ 12136	X	81	11213	-	14.000
01/13/2024	13/1BN	01/13/2024	Phí ngân hàng, hđ 12136	X	82	13311	1.400	-
01/13/2024	13/1BN	01/13/2024	Phí ngân hàng, hđ 12136	X	83	11213	-	1.400
01/13/2024	10/1BN	01/13/2024	Thu tiền, hđ 01	X	84	11213	48.800.000	-
01/13/2024	10/1BN	01/13/2024	Thu tiền, hđ 01	X	85	131111	-	48.800.000
01/13/2024	11/1BC	01/13/2024	Nộp tiền mặt	X	86	11213	35.000.000	-
01/13/2024	11/1BC	01/13/2024	Nộp tiền mặt	X	87	1111	-	35.000.000

16/01/2024	05/1BC	16/01/2024	Thanh toán tiền	X	88	11212	30.000.000	-	-
16/01/2024	05/1BC	16/01/2024	Thanh toán tiền	X	89	131111	-	-	30.000.000
16/01/2024	12/1BC	16/01/2024	Thu tiền, hđ 02	X	90	11213	52.237.246	-	-
16/01/2024	12/1BC	16/01/2024	Thu tiền, hđ 02	X	91	131111	-	-	52.237.246
16/01/2024	8/1PN	16/01/2024	Nhập hàng, hđ 44	X	92	331111	-	-	262.157.040
16/01/2024	8/1PN	16/01/2024	Solahart 302L 2.4KW	X	93	13311	19.419.040	-	-
16/01/2024	8/1PN	16/01/2024	Nhập hàng, hđ 44	X	94	4664	248.788.888	-	-
16/01/2024	2	16/01/2024	Hệ thống MNn NLMT Solahart 302L 2.4 + phụ kiện	X	95	131111	48.367.820	-	-
16/01/2024	2	16/01/2024	Hệ thống MNn NLMT Solahart 302L 2.4 + phụ kiện	X	96	51131	-	-	48.367.820
16/01/2024	2	16/01/2024	Hệ thống MNn NLMT Solahart 302L 2.4 + phụ kiện	X	97	131111	3.869.426	-	-
16/01/2024	2	16/01/2024	Hệ thống MNn NLMT Solahart 302L 2.4 + phụ kiện	X	98	33311	-	-	3.869.426
18/01/2024	2/21BN	18/01/2024	Rút tiền mặt	X	99	1111	45.000.000	-	-
18/01/2024	2/21BN	18/01/2024	Rút tiền mặt	X	100	11213	-	-	45.000.000
20/01/2024	04/1BN	20/01/2024	Thanh toán tiền	X	101	331111	10.000.000	-	-
20/01/2024	04/1BN	20/01/2024	Thanh toán tiền	X	102	11212	-	-	10.000.000
20/01/2024	05/1BN	20/01/2024	Rút tiền mặt	X	103	1111	10.000.000	-	-
20/01/2024	05/1BN	20/01/2024	Rút tiền mặt	X	104	11212	-	-	10.000.000
22/01/2024	6/1BN	22/01/2024	Rút tiền mặt	X	105	1111	20.000.000	-	-
22/01/2024	6/1BN	22/01/2024	Rút tiền mặt	X	106	11212	-	-	20.000.000
22/01/2024	9/1BN	22/01/2024	Nộp thuế TNDN Q4/2023	X	107	3334	3.000.000	-	-
22/01/2024	9/1BN	22/01/2024	Nộp thuế TNDN Q4/2023	X	108	11213	-	-	3.000.000
22/01/2024	06/1BC	22/01/2024	Thanh toán tiền	X	109	11212	20.000.000	-	-
22/01/2024	06/1BC	22/01/2024	Thanh toán tiền	X	110	131111	-	-	20.000.000
23/01/2024	9/1PN	23/01/2024	Nhập hàng, hđ 85	X	111	331111	-	-	24.030.270
23/01/2024	9/1PN	23/01/2024	Máy bơm nước Wilo PBI L403EA	X	112	13311	1.780.020	-	-
23/01/2024	9/1PN	23/01/2024	Nhập hàng, hđ 85	X	113	1561	22.250.250	-	-
23/01/2024	3	23/01/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	114	131111	44.907.408	-	-
23/01/2024	3	23/01/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	115	51111	-	-	44.907.408
23/01/2024	3	23/01/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	116	6321	38.478.237	-	-
23/01/2024	3	23/01/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	117	1561	-	-	38.478.237
23/01/2024	3	23/01/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	118	131111	3.592.593	-	-
23/01/2024	3	23/01/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	119	33311	-	-	3.592.593
24/01/2024	4/1PC	24/01/2024	VĐ tàu, hđ 189510	X	120	6417	3.418.814	-	-
24/01/2024	4/1PC	24/01/2024	VĐ tàu, hđ 189510	X	121	1111	-	-	3.418.814
24/01/2024	4/1PC	24/01/2024	VĐ tàu, hđ 189510	X	122	13311	273.186	-	-
24/01/2024	4/1PC	24/01/2024	VĐ tàu, hđ 189510	X	123	1111	-	-	273.186
25/01/2024	13/1BC	25/01/2024	Thu tiền, hđ	X	124	11213	48.500.001	-	-
25/01/2024	13/1BC	25/01/2024	Thu tiền, hđ	X	125	131111	-	-	48.500.001
27/01/2024	10/1PN	27/01/2024	Nhập hàng, hđ 101	X	126	331111	-	-	2.963.790
27/01/2024	10/1PN	27/01/2024	Máy bơm Wilo PW - 175E	X	127	13311	219.540	-	-
27/01/2024	10/1PN	27/01/2024	Nhập hàng, hđ 101	X	128	1561	2.744.250	-	-
29/01/2024	07/1BN	29/01/2024	Rút tiền mặt	X	129	1111	20.000.000	-	-
29/01/2024	07/1BN	29/01/2024	Rút tiền mặt	X	130	11212	-	-	20.000.000
29/01/2024	14/1BN	29/01/2024	Phi quân hàng, hđ 30485	X	131	6427	40.000	-	-

02/03/2024	1/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hđ 1861189	X	259	1111	-	-	8.000
02/03/2024	2/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hđ 43888980	X	260	6427	218.182	-	-
02/03/2024	2/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hđ 43888980	X	261	1111	-	-	218.182
02/03/2024	2/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hđ 43888980	X	262	13311	21.818	-	-
02/03/2024	2/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hđ 43888980	X	263	1111	-	-	21.818
02/03/2024	3/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hđ 43891043	X	264	6427	971.995	-	-
02/03/2024	3/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hđ 43891043	X	265	1111	-	-	971.995
02/03/2024	3/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hđ 43891043	X	266	13311	97.199	-	-
02/03/2024	3/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hđ 43891043	X	267	1111	-	-	97.199
06/03/2024	2/3PT	06/03/2024	Thanh toán tiền, hđ 5	X	268	1111	570.900	-	-
06/03/2024	2/3PT	06/03/2024	Thanh toán tiền, hđ 5	X	269	131111	-	-	570.900
06/03/2024	3/3PT	06/03/2024	Thu tiền, hđ 6	X	270	1111	1.017.500	-	-
06/03/2024	3/3PT	06/03/2024	Thu tiền, hđ 6	X	271	131111	-	-	1.017.500
06/03/2024	7/3PT	06/03/2024	Thu tiền, hđ 7	X	272	1111	15.980.000	-	-
06/03/2024	7/3PT	06/03/2024	Thu tiền, hđ 7	X	273	131111	-	-	15.980.000
06/03/2024	5	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	274	131111	519.000	-	-
06/03/2024	5	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	275	51111	-	-	519.000
06/03/2024	5	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	276	6321	501.424	-	-
06/03/2024	5	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	277	1561	-	-	501.424
06/03/2024	5	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	278	131111	51.900	-	-
06/03/2024	5	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	279	33311	-	-	51.900
06/03/2024	6	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	280	131111	925.000	-	-
06/03/2024	6	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	281	51111	-	-	925.000
06/03/2024	6	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	282	6321	813.894	-	-
06/03/2024	6	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	X	283	1561	-	-	813.894

29/02/2024	4/2PKT	29/02/2024	Trích bảo hiểm tính vào chi phí T2/2024	X	242	3389	-	47.500	-
29/02/2024	5/2PKT	29/02/2024	Trích bảo hiểm tính vào chi phí T2/2024	X	243	6411	1.006.200	-	-
29/02/2024	5/2PKT	29/02/2024	Trích bảo hiểm tính vào chi phí T2/2024	X	244	3383	-	-	819.000
29/02/2024	5/2PKT	29/02/2024	Trích bảo hiểm tính vào chi phí T2/2024	X	245	3385	-	-	140.400
29/02/2024	5/2PKT	29/02/2024	Trích bảo hiểm tính vào chi phí T2/2024	X	246	3389	-	-	46.800
29/02/2024	PKTCC02	29/02/2024	Bút toán PB CCDC của tháng 2	X	247	6423	946.591	-	-
29/02/2024	PKTCC02	29/02/2024	Bút toán PB CCDC của tháng 2	X	248	2428	-	-	946.591
01/03/2024	11/3PC	01/03/2024	Thanh toán tiền, hđ 585	X	249	331111	547.591	-	-
01/03/2024	11/3PC	01/03/2024	Thanh toán tiền, hđ 585	X	250	1111	-	-	547.591
01/03/2024	05/3BC	01/03/2024	Rút tiền mặt	X	251	11212	5.553	-	-
01/03/2024	05/3BC	01/03/2024	Rút tiền mặt	X	252	1111	-	-	5.553
01/03/2024	1/3PN	01/03/2024	Nhập hàng, hđ 585	X	253	331111	-	-	547.591
01/03/2024	1/3PN	01/03/2024	Van bi đồng DN15	X	254	13311	49.781	-	-
01/03/2024	1/3PN	01/03/2024	Nhập hàng, hđ 585	X	255	1561	497.810	-	-
02/03/2024	1/3PC	02/03/2024	Cước viên thông, hđ 1861189	X	256	6427	80.000	-	-
02/03/2024	1/3PC	02/03/2024	Cước viên thông, hđ 1861189	X	257	1111	-	-	80.000
02/03/2024	1/3PC	02/03/2024	Cước viên thông, hđ 1861189	X	258	13311	8.000	-	-
02/03/2024	2/3PC	02/03/2024	Cước viên thông, hđ 43888980	X	260	6427	218.182	-	-
02/03/2024	2/3PC	02/03/2024	Cước viên thông, hđ 43888980	X	261	1111	-	-	218.182
02/03/2024	2/3PC	02/03/2024	Cước viên thông, hđ 43888980	X	262	13311	21.818	-	-
02/03/2024	2/3PC	02/03/2024	Cước viên thông, hđ 43888980	X	263	1111	-	-	21.818
02/03/2024	3/3PC	02/03/2024	Cước viên thông, hđ 43891043	X	264	6427	971.995	-	-
02/03/2024	3/3PC	02/03/2024	Cước viên thông, hđ 43891043	X	265	1111	-	-	971.995
02/03/2024	3/3PC	02/03/2024	Cước viên thông, hđ 43891043	X	266	13311	97.199	-	-
02/03/2024	3/3PC	02/03/2024	Cước viên thông, hđ 43891043	X	267	1111	-	-	97.199
06/03/2024	2/3PT	06/03/2024	Thanh toán tiền, hđ 5	X	268	1111	570.900	-	-
06/03/2024	2/3PT	06/03/2024	Thanh toán tiền, hđ 5	X	269	131111	-	-	570.900
06/03/2024	3/3PT	06/03/2024	Thu tiền, hđ 6	X	270	1111	1.017.500	-	-

31/03/2024	1/3PXX	31/03/2024	Xuất kho NVL Q1/2024	X	382	621	151.721.270	-	-
31/03/2024	1/3PXX	31/03/2024	Xuất kho NVL Q1/2024	X	383	1561	-	-	151.721.270
31/03/2024	1/3PKT	31/03/2024	K/c thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024	X	384	33311	22.879.078	-	-
31/03/2024	1/3PKT	31/03/2024	K/c thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024	X	385	13311	-	-	22.879.078
31/03/2024	2/3PKT	31/03/2024	Tính lương nhân viên T3/2024	X	386	3341	-	-	21.180.000
31/03/2024	2/3PKT	31/03/2024	Tính lương nhân viên T3/2024	X	387	6411	10.680.000	-	-
31/03/2024	2/3PKT	31/03/2024	Tính lương nhân viên T3/2024	X	388	6421	10.500.000	-	-
31/03/2024	3/3PKT	31/03/2024	Trích bảo hiểm trợ vào lương T3/2024	X	389	3341	990.150	-	-
31/03/2024	3/3PKT	31/03/2024	Trích bảo hiểm trợ vào lương T3/2024	X	390	3383	-	-	754.400
31/03/2024	3/3PKT	31/03/2024	Trích bảo hiểm trợ vào lương T3/2024	X	391	3385	-	-	141.450

Phụ lục 8: Sổ Cái tài khoản 3331

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ
Địa chỉ: 17 Đường số 37, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TỔNG HỢP									
SỐ HIỆU 3331									
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT đóng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	I	J	K
			- Số dư đầu năm						2
			- Số phát sinh trong tháng				22.879.078	22.879.078	
16/01/2024	2	16/01/2024	HÀ THÔNG MNO NI MT Solahad 302L 2.4 + phụ kiện		98	131111	-	-	3.869.426
23/01/2024	3	23/01/2024	Xuất bán hàng cho khách		119	131111	-	-	3.592.593
02/01/2024	4	02/01/2024	Tem ứng đặt 1 HB 2201/2024/HQMB/HS. P/		180	131111	-	-	4.658.053
06/03/2024	5	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách		270	131111	-	-	51.900
06/03/2024	6	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách		285	131111	-	-	92.500
06/03/2024	7	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách		291	131111	-	-	1.183.704
13/03/2024	8	13/03/2024	Xuất bán hàng cho khách		297	131111	-	-	1.796.296
15/03/2024	9	15/03/2024	Xuất bán hàng cho khách		312	131111	-	-	2.389.407
15/03/2024	9	15/03/2024	Phí vận chuyển		316	131111	-	-	240.000
25/03/2024	10	25/03/2024	Xuất bán hàng cho khách		331	131111	-	-	222.700
26/03/2024	11	26/03/2024	Xuất bán hàng cho khách		339	131111	-	-	320.000
27/03/2024	12	27/03/2024	Xuất bán hàng cho khách		370	131111	-	-	686.784
27/03/2024	12	27/03/2024	Phí vận chuyển		374	131111	-	-	160.000
31/03/2024	1/3PKT	31/03/2024	K/c thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024		384	13311	22.879.078	-	-

Phụ lục 9: Sổ Cái tài khoản 133

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ
Địa chỉ: 17 Đường số 37, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN TỔNG HỢP									
SỐ HIỆU				133			Số tiền		
Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Số hiệu TK đối ứng	Số tiền		
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		Nợ	Có	
A	B	C	D	E	G	H	1	2	
			- Số dư đầu năm. - Số phát sinh trong tháng				68.863.906	22.879.078	
02/01/2024	1/1PC	02/01/2024	Cước viễn thông, hd 413740	X	3	6427	8.000	-	
02/01/2024	2/1PC	02/01/2024	Cước viễn thông, hd 7907013	X	7	6427	101.884	-	
02/01/2024	3/1PC	02/01/2024	Cước viễn thông, hd 7933425	X	11	6427	21.818	-	
03/01/2024	10/1BN	03/01/2024	Phí ngân hàng, hd 1191	X	21	6427	1.400	-	
06/01/2024	1/1PN	06/01/2024	Máy bơm Wilo PBI-203EA	X	26	33311	1.956.300	-	
06/01/2024	2/1PN	06/01/2024	Máy bơm Wilo PW - 175E	X	29	33311	219.540	-	
08/01/2024	11/1BN	08/01/2024	Phí ngân hàng, hd 3062	X	37	6427	1.400	-	
08/01/2024	12/1BN	08/01/2024	Phí ngân hàng, hd 3114	X	41	6427	1.400	-	
08/01/2024	3/1PN	08/01/2024	Van tuần hoàn nước nóng tự động DN25 DN16	X	50	33311	403.200	-	
08/01/2024	4/1PN	08/01/2024	Thân bồn inox Đại Thành 2000N DK1170 + Chân bồn	X	53	33311	660.818	-	
09/01/2024	5/1PN	09/01/2024	Van Cửa PPR DN25	X	62	33311	187.194	-	
11/01/2024	6/1PN	11/01/2024	Máy nước nóng 181L 2.4KW	X	69	33311	13.195.360	-	
11/01/2024	7/1PN	11/01/2024	Thộp V	X	72	33311	779.091	-	
13/01/2024	13/1BN	13/01/2024	Phí ngân hàng, hd 12136	X	82	6427	1.400	-	
16/01/2024	8/1PN	16/01/2024	Solahart 302L 2.4KW	X	93	33311	19.419.040	-	
23/01/2024	9/1PN	23/01/2024	Máy bơm nước Wilo PBI L403EA	X	112	33311	1.780.020	-	
24/01/2024	4/1PC	24/01/2024	VĐ tàu, hd 189510	X	122	33311	273.186	-	
27/01/2024	10/1PN	27/01/2024	Máy bơm Wilo PW - 175E	X	127	33311	219.540	-	
29/01/2024	14/1BN	29/01/2024	Phí ngân hàng, hd 30485	X	133	6427	4.000	-	
29/01/2024	15/1BN	29/01/2024	Phí ngân hàng, hd 31472	X	137	6427	8.900	-	
29/01/2024	29/1PN	29/01/2024	Chiết khấu thương mại T1/2024, hd 2475	X	142	6427	-	12.273	
30/01/2024	11/1PN	30/01/2024	Lõi Lọc đầu nguồn 250M3	X	145	33311	111.111	-	
31/01/2024	30/1PN	31/01/2024	Chiết khấu thương mại T1/2024, hd 2720	X	154	6427	-	16.364	
02/02/2024	1/2PC	02/02/2024	Cước viễn thông, hd 1171642	X	183	6427	8.000	-	
02/02/2024	2/2PC	02/02/2024	Cước viễn thông, hd 25852572	X	187	6427	21.818	-	
02/02/2024	3/2PC	02/02/2024	Cước viễn thông, hd 25857242	X	191	6427	101.585	-	
02/03/2024	1/2BN	02/03/2024	Phí ngân hàng, hd 35343	X	197	6427	1.400	-	
21/02/2024	12/2PN	21/02/2024	Máy bơm nước Wilo PBI L403EA	X	204	33311	1.540.560	-	
23/02/2024	13/2PN	23/02/2024	Máy bơm Wilo PBI-203EA	X	207	33311	2.954.760	-	
27/02/2024	2/2BN	27/02/2024	Phí ngân hàng, hd 57208	X	211	6427	4.000	-	
27/02/2024	3/2BN	27/02/2024	Phí ngân hàng, hd 60241	X	215	6427	8.900	-	
28/02/2024	4/2BN	28/02/2024	Phí ngân hàng, hd 62638	X	219	6427	1.400	-	
29/02/2024	14/2PN	29/02/2024	Solahart 302L 2.4KW	X	230	33311	10.763.680	-	
01/03/2024	1/3PN	01/03/2024	Van bi động DN15	X	254	33311	49.781	-	
02/03/2024	1/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hd 1861189	X	258	6427	8.000	-	
02/03/2024	2/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hd 43888980	X	262	6427	21.818	-	
02/03/2024	3/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hd 43891043	X	266	6427	97.199	-	
14/03/2024	2/3PN	14/03/2024	ống HDPE D63 * 3.8 PN 10	X	303	33311	1.629.082	-	
22/03/2024	3/3PN	22/03/2024	Van bi động MIHA DN50	X	322	33311	203.245	-	
27/03/2024	5/3PN	27/03/2024	Phí ngân hàng, hd 86513	X	342	6427	1.400	-	
27/03/2024	6/3BN	27/03/2024	Phí ngân hàng, hd 89998	X	346	6427	8.900	-	
27/03/2024	7/3PN	27/03/2024	Phí ngân hàng, hd 90858	X	350	6427	4.000	-	
27/03/2024	4/3PN	27/03/2024	ống uPVC D315*9.2 PN 6	X	363	33311	467.013	-	
28/03/2024	5/3PN	28/03/2024	Máy nước nóng 181L 2.4KW	X	376	33311	11.641.440	-	
31/03/2024	1/3PKT	31/03/2024	K/c thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024	X	385	13311	-	22.879.078	

Phụ lục 10: Sổ chi tiết tài khoản 1331

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ
Địa chỉ: 17 Đường số 37, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản

Tài khoản: 1331
Đối tượng: Thuế GTGT đầu ra phải nộp

Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ				81.524.433	
			- Số phát sinh trong kỳ		68.863.906	22.879.078		
02/01/2024	1/IPC	02/01/2024	Cước viễn thông, hd 413740	6427	8.000	-	81.532.433	-
02/01/2024	2/IPC	02/01/2024	Cước viễn thông, hd 7907013	6427	101.884	-	81.634.317	-
02/01/2024	3/IPC	02/01/2024	Cước viễn thông, hd 7933425	6427	21.818	-	81.656.135	-
03/01/2024	10/IBN	03/01/2024	Phi ngân hàng, hd 1191	6427	1.400	-	81.657.535	-
06/01/2024	1/1PN	06/01/2024	Máy bơm Wilo PBI-203EA	33311	1.956.300	-	83.613.835	-
06/01/2024	2/1PN	06/01/2024	Máy bơm Wilo PW - 175E	33311	219.540	-	83.833.375	-
08/01/2024	11/IBN	08/01/2024	Phi ngân hàng, hd 3062	6427	1.400	-	83.834.775	-
08/01/2024	12/IBN	08/01/2024	Phi ngân hàng, hd 3114	6427	1.400	-	83.836.175	-
08/01/2024	3/1PN	08/01/2024	Van nạp hoàn nước nóng tự động DN25, DN16	33311	403.200	-	84.239.375	-
08/01/2024	4/1PN	08/01/2024	Thân bồn inox Đại Thành 2000N DK1170 + Chân bồn	33311	660.818	-	84.900.193	-
09/01/2024	5/1PN	09/01/2024	Van Cửa PPR DN25	33311	187.154	-	85.087.347	-
11/01/2024	6/1PN	11/01/2024	Máy nước nóng 181L 2.4KW	33311	13.195.360	-	98.282.707	-
11/01/2024	7/1PN	11/01/2024	ThĐp V	33311	779.091	-	99.061.798	-
13/01/2024	13/IBN	13/01/2024	Phi ngân hàng, hd 12136	6427	1.400	-	99.063.198	-
16/01/2024	8/1PN	16/01/2024	Solahart 302L 2.4KW	33311	19.419.040	-	118.482.238	-
23/01/2024	9/1PN	23/01/2024	Máy bơm nước Wilo PBI L403EA	33311	1.780.020	-	120.262.258	-
24/01/2024	4/1PC	24/01/2024	VĐ tàu, hd 189510	33311	273.186	-	120.535.444	-
27/01/2024	10/1PN	27/01/2024	Máy bơm Wilo PW - 175E	33311	219.540	-	120.754.984	-
29/01/2024	14/IBN	29/01/2024	Phi ngân hàng, hd 30485	6427	4.000	-	120.758.984	-
29/01/2024	15/IBN	29/01/2024	Phi ngân hàng, hd 31472	6427	8.900	-	120.767.884	-
29/01/2024	29/1PN	29/01/2024	Chiết khấu thương mại T1/2024, hd 2475	6427	- 12.273	-	120.755.611	-
30/01/2024	11/1PN	30/01/2024	Lỗi Lạc đầu nguồn 250M3	33311	111.111	-	120.866.722	-
31/01/2024	30/1PN	31/01/2024	Chiết khấu thương mại T1/2024, hd 2720	6427	- 16.364	-	120.850.358	-
02/02/2024	1/2PC	02/02/2024	Cước viễn thông, hd 1171642	6427	8.000	-	120.858.358	-
02/02/2024	2/2PC	02/02/2024	Cước viễn thông, hd 25852572	6427	21.818	-	120.880.176	-
02/02/2024	3/2PC	02/02/2024	Cước viễn thông, hd 25857242	6427	101.585	-	120.981.761	-
02/03/2024	1/2BN	02/03/2024	Phi ngân hàng, hd 35343	6427	1.400	-	120.983.161	-
21/02/2024	12/2PN	21/02/2024	Máy bơm nước Wilo PBI L403EA	33311	1.540.560	-	122.523.721	-
23/02/2024	13/2PN	23/02/2024	Máy bơm Wilo PBI-203EA	33311	2.954.760	-	125.478.481	-
27/02/2024	2/2BN	27/02/2024	Phi ngân hàng, hd 57208	6427	4.000	-	125.482.481	-
27/02/2024	3/2BN	27/02/2024	Phi ngân hàng, hd 60241	6427	8.900	-	125.491.381	-
28/02/2024	4/2BN	28/02/2024	Phi ngân hàng, hd 62638	6427	1.400	-	125.492.781	-
29/02/2024	14/2PN	29/02/2024	Solahart 302L 2.4KW	33311	10.763.680	-	136.256.461	-
01/03/2024	1/3PN	01/03/2024	Van bi đồng DN15	33311	49.781	-	136.306.242	-
02/03/2024	2/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hd 1801162	6427	8.000	-	136.314.242	-
02/03/2024	2/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hd 43888980	6427	21.818	-	136.336.060	-
02/03/2024	3/3PC	02/03/2024	Cước viễn thông, hd 43891043	6427	97.199	-	138.433.259	-
14/03/2024	2/3PN	14/03/2024	ống HDPE D63 * 3.8 PN 10	33311	1.629.082	-	138.062.341	-
22/03/2024	3/3PN	22/03/2024	Van bi đồng MIHA DN50	33311	203.245	-	138.265.586	-
27/03/2024	5/3PN	27/03/2024	Phi ngân hàng, hd 86513	6427	1.400	-	138.266.986	-
27/03/2024	6/3BN	27/03/2024	Phi ngân hàng, hd 89998	6427	8.900	-	138.275.886	-
27/03/2024	7/3PN	27/03/2024	Phi ngân hàng, hd 90858	6427	4.000	-	138.279.886	-
27/03/2024	4/3PN	27/03/2024	ống uPVC D315*9.2 PN 6	33311	467.013	-	138.746.899	-
28/03/2024	5/3PN	28/03/2024	Máy nước nóng 181L 2.4KW	33311	11.641.440	-	150.388.339	-
31/03/2024	1/3PKT	31/03/2024	K/c thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024	13311	-	22.879.078	127.509.261	-
			- Cộng số phát sinh	x			127.509.261	x
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 11: Sổ chi tiết tài khoản 3331

Đơn vị: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ
Địa chỉ: 17 Đường số 37, Phường Bình Thuận, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Sổ chi tiết các tài khoản

Tài khoản: 3331

Đối tượng: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Loại tiền: VND

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			- Số dư đầu kỳ					-
			Số phát sinh trong kỳ		22.879.078	22.879.078		
11/01/2024	1	11/01/2024	Ấn đặt HT MNN NLMT Solahart 180 + Tủ + Bơm	131111	-	3.614.815	-	3.614.815
16/01/2024	2	16/01/2024	Hệ thống MNn NLMT Solahart 302L 2.4 + phụ kiện	131111	-	3.869.426	-	7.484.241
29/04/2024	3	29/04/2024	Xuất bán hàng cho khách	131111	-	3.692.693	-	11.176.834
02/07/2024	4	02/07/2024	Tạm ứng đợt 1 HĐ 2207/2024/HĐMD/HIS-PV	131111	-	4.036.353	-	15.213.187
06/03/2024	5	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	131111	-	51.900	-	15.787.687
06/03/2024	6	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	131111	-	92.500	-	15.880.187
06/03/2024	7	06/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	131111	-	1.183.704	-	17.063.891
13/03/2024	8	13/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	131111	-	1.796.296	-	18.860.187
15/03/2024	9	15/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	131111	-	2.389.407	-	21.249.594
15/03/2024	9	15/03/2024	Phí vận chuyển	131111	-	240.000	-	21.489.594
25/03/2024	10	25/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	131111	-	222.700	-	21.712.294
26/03/2024	11	26/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	131111	-	320.000	-	22.032.294
27/03/2024	12	27/03/2024	Xuất bán hàng cho khách	131111	-	686.784	-	22.719.078
27/03/2024	12	27/03/2024	Phí vận chuyển	131111	-	160.000	-	22.879.078
31/03/2024	1/3PKT	31/03/2024	K/c thuế GTGT được khấu trừ Q1/2024	13311	22.879.078	-	-	-
			- Cộng số phát sinh	x			x	x
			- Số dư cuối kỳ	x	x	x		

- Số này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày..... tháng.... năm

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 12: Bảng kê mua vào

Mẫu số: 01-2/GTGT
 (theo hình thức mua hàng thông thường)
 và 1/2014/TT-BTC ngày
 25/8/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG KÊ HOÀ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA VÀO

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT)
 Kỳ tính thuế: Tháng năm / Quý Năm

Người nộp thuế:
 Mã số thuế:

ST T	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm lập hoá đơn	Tên người bán	Mã số thuế người bán	Mặt hàng	Doanh số mua chưa có thuế	Thuế GTGT đủ điều kiện khấu trừ thuế	Ghi chú	Đơn vị tiền: đồng Việt Nam	
										[6]	[7]
1	1K24THA	413740	02/01/2024	Trung Tâm Kinh Doanh VNPT TP HCM	0106869738-005	Cước viễn thông, hd 413740	80.000	8.000		80.000	8.000
2	1K24DAA	7907013	02/01/2024	Viettel TP HCM-CN TD Công Nghiệp-VT Quận Đới	0100109106	Cước viễn thông, hd 7907013	1.018.839	101.884		1.018.839	101.884
3	1K24DAA	7933425	02/01/2024	Viettel TP HCM-CN TD Công Nghiệp-VT Quận Đới	0100109106	Cước viễn thông, hd 7933425	218.182	21.818		218.182	21.818
4	1K24TAB	1191	03/01/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 1191	14.000	1.400		14.000	1.400
5	1C24TSP	12	08/01/2024	Công Ty TNHH TM XNK Siêu Phong	0309116497	Máy bơm Wilo PBI-203EA	24.453.750	1.956.300		24.453.750	1.956.300
6	1C24TSP	14	08/01/2024	Công Ty TNHH TM XNK Siêu Phong	0309116497	Máy bơm Wilo PW - 175E	2.744.250	219.540		2.744.250	219.540
7	1C24TCE	2	08/01/2024	Công Ty Cổ Phần Công Nghệ Combitek Việt Nam	0105153412	Van tuần hoàn nước nóng tự động DN25, DN16	5.040.000	403.200		5.040.000	403.200
8	1C24THM	495	08/01/2024	CN Công Ty CP KK và GD Tân á Đại Thành T Tp HCM	0108705693-008	Thần bồn inox Đại Thành 2000DK1170 + Chân	6.608.183	660.818		6.608.183	660.818
9	1K24TAB	3062	08/01/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 3062	14.000	1.400		14.000	1.400
10	1K24TAB	3114	08/01/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 3114	14.000	1.400		14.000	1.400
11	1C24TAA	106	09/01/2024	CN Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Minh Hòa	010037226005	Van Cửa PPR DN25	2.339.430	187.154		2.339.430	187.154
12	1C24TRV	37	11/01/2024	Công Ty TNHH RHEEM Việt Nam	3702152425	Máy nước nóng 181L 2.4KW	164.942.000	13.195.360		164.942.000	13.195.360
13	1C24THM	133	11/01/2024	Công Ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Nguyễn Minh Q7	0304427192	Thép V	7.790.911	779.091		7.790.911	779.091
14	1K24TAB	12136	13/01/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 12136	14.000	1.400		14.000	1.400
15	1C24TRV	44	16/01/2024	Công Ty TNHH RHEEM Việt Nam	3702152425	Solihart 302L 2.4KW	242.738.000	19.419.040		242.738.000	19.419.040
16	1C24TSP	85	23/01/2024	Công Ty TNHH TM XNK Siêu Phong	0309116497	Máy bơm nước Wilo PBI L403EA	22.250.250	1.780.020		22.250.250	1.780.020
17	1K24THK	189510	24/01/2024	Công Ty CP Vận Tải Đường Sắt Hà Nội	0100106264	Vé tàu, hd 189510	3.418.814	273.186		3.418.814	273.186
18	1C24TSP	101	27/01/2024	Công Ty TNHH TM XNK Siêu Phong	0309116497	Máy bơm Wilo PW - 175E	2.744.250	219.540		2.744.250	219.540
19	1K24TAB	30485	29/01/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 30485	40.000	4.000		40.000	4.000
20	1K24TAB	31472	29/01/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 31472	89.000	8.900		89.000	8.900
21	1C24THM	2475	29/01/2024	CN Công Ty CP KK và GD Tân á Đại Thành T Tp HCM	0108705693-008	Chiết khấu thương mại T1/2024, hd 2475	(122.727)	(12.273)		(122.727)	(12.273)
22	1C24THM	2590	30/01/2024	CN Công Ty CP KK và GD Tân á Đại Thành T Tp HCM	0108705693-008	Lũy Lạc đầu nguồn 250K3	1.388.889	111.111		1.388.889	111.111
23	1C24THM	2720	31/01/2024	CN Công Ty CP KK và GD Tân á Đại Thành T Tp HCM	0108705693-008	Chiết khấu thương mại T1/2024, hd 2720	(183.636)	(18.364)		(183.636)	(18.364)
24	1K24THA	1171642	02/02/2024	Trung Tâm Kinh Doanh VNPT TP HCM	0106869738-005	Cước viễn thông, hd 1171642	80.000	8.000		80.000	8.000
25	1K24DAA	2585252	02/02/2024	Viettel TP HCM-CN TD Công Nghiệp-VT Quận Đới	0100109106	Cước viễn thông, hd 2585252	218.182	21.818		218.182	21.818
26	1K24DAA	25857242	02/02/2024	Viettel TP HCM-CN TD Công Nghiệp-VT Quận Đới	0100109106	Cước viễn thông, hd 25857242	1.015.847	101.585		1.015.847	101.585
27	1K23TAB	35343	03/02/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 35343	14.000	1.400		14.000	1.400
28	1C24TSP	140	21/02/2024	Công Ty TNHH TM XNK Siêu Phong	0309116497	Máy bơm nước Wilo PBI L403EA	19.257.000	1.540.560		19.257.000	1.540.560
29	1C24TSP	155	23/02/2024	Công Ty TNHH TM XNK Siêu Phong	0309116497	Máy bơm Wilo PBI-203EA	36.934.500	2.954.760		36.934.500	2.954.760
30	1K24TAB	57208	27/02/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 57208	40.000	4.000		40.000	4.000
31	1K24TAB	60241	27/02/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 60241	89.000	8.900		89.000	8.900
32	1K24TAB	62638	28/02/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 62638	14.000	1.400		14.000	1.400
33	1C24TRV	144	28/02/2024	Công Ty TNHH RHEEM Việt Nam	3702152425	Solihart 302L 2.4KW	134.546.000	10.763.680		134.546.000	10.763.680
34	1C24TAA	585	01/03/2024	CN Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Minh Hòa	010037226005	Van bi đồng DN15	497.810	49.781		497.810	49.781
35	1K24THA	1861189	02/03/2024	Trung Tâm Kinh Doanh VNPT TP HCM	0106869738-005	Cước viễn thông, hd 1861189	80.000	8.000		80.000	8.000
36	1K24DAA	43888989	02/03/2024	Viettel TP HCM-CN TD Công Nghiệp-VT Quận Đới	0100109106	Cước viễn thông, hd 43888989	248.492	24.849		248.492	24.849
37	1K24DAA	43891043	02/03/2024	Viettel TP HCM-CN TD Công Nghiệp-VT Quận Đới	0100109106	Cước viễn thông, hd 43891043	971.995	97.199		971.995	97.199
38	1C24TD	22	14/03/2024	Công Ty TNHH DV Thương Mại Tân Tân Đệ	0312315125	ống HDPE D63 * 3.8 PN 10	20.363.830	1.629.082		20.363.830	1.629.082
39	1C24TAA	862	22/03/2024	CN Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Minh Hòa	010037226005	Van bi đồng MIHA DN50	2.032.445	203.245		2.032.445	203.245
40	1C24TD	25	27/03/2024	Công Ty TNHH DV Thương Mại Tân Tân Đệ	0312315125	ống uPVC D315*2.2 PN 6	5.837.054	467.013		5.837.054	467.013
41	1K24TAB	86513	27/03/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 86513	14.000	1.400		14.000	1.400
42	1K24TAB	89998	27/03/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 89998	89.000	8.900		89.000	8.900
43	1K24TAB	90858	27/03/2024	Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương Tín- CN Quận 7	0301103908-220	Phi ngân hàng, hd 90858	40.000	4.000		40.000	4.000
44	1C24TRV	216	28/03/2024	Công Ty TNHH RHEEM Việt Nam	3702152425	Máy nước nóng 181L 2.4KW	145.518.000	11.641.440		145.518.000	11.641.440

TỔ							855.545.540	68.863.906		855.545.540	68.863.906	924.409.446
2. Hàng hoá, dịch vụ không đủ điều kiện khấu trừ:												
TỔ												
2. Hàng hoá, dịch vụ đúng chung cho SXKD chịu thuế và không chịu thuế đủ điều kiện khấu trừ thuế:												
TỔ												
3. Hàng hóa, dịch vụ đúng cho dự án đầu tư đủ điều kiện được khấu trừ thuế (*):												
TỔ												
5. Hàng hóa, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:												
TỔ												

Tổng giá trị HHDV mua vào phục vụ SXKD được khấu trừ thuế GTGT (**):

Tổng số thuế GTGT của HHDV mua vào đủ điều kiện được khấu trừ (**):

..... ngày tháng năm
 NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
 ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
 Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Phụ lục 13: Bảng kê bán ra

Mẫu số: 01-1/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông
lệnh số 119/2014/TT-BTC
ngày
25/8/2014 của Bộ Tài
chính)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ BÁN RA

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT theo mẫu số 01/GTGT)
Ký tính thuế: Tháng..... năm...../Quý...../Năm.....

Người nộp thuế:.....
Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Ký hiệu hoá đơn	Số hoá đơn	Ngày, tháng, năm lập hoá đơn	Tên người mua	Mã số thuế người mua	Mặt hàng	Doanh thu chưa có thuế GTGT	Thuế GTGT	Ghi chú
[1]	[3]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[6]	[7]	[8]
1. Hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT):									
Tổng									
2. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 0%:									
Tổng									
3. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 8%:									
1	1C24TPV	1	16/01/2024	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng Hải Hưng	1001040597	Cấp điện (11-MN-NLMT-Solahart-100+TĐ+ĐTM+ph	45.169.169	3.614.673	48.783.842
2	1C24TPV	2	16/01/2024	Công Ty TNHH DRP Inter	0314455637	Hệ thống MNn NLMT Solahart 302L 2.4 + phụ kiện	48.367.820	3.869.426	52.237.246
3	1C24TPV	3	23/01/2024	Công Ty Cổ Phần Năng Lượng Xanh Hoa Mai	0310769934	Máy nước nóng 181L 2.4KW	44.907.408	3.592.593	48.500.001
4	1C24TPV	4	01/02/2024	Công Ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	5800921584	Tấm ứng đột 1 HD 2201/2024/HDMB/HS-PV	58.236.912	4.658.953	62.895.865
5	1C24TPV	7	06/03/2024	Công Ty TNHH TM DV Năng Lượng MT Thành Phát	3702861044	Solahart 150LT 1.8KW 1XBPT FL-RF TPR VII	14.796.296	1.183.704	15.980.000
6	1C24TPV	8	13/03/2024	Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Công Nghiệp Trường Long	0304401853	Máy nước nóng 181L 2.4KW	22.453.704	1.796.296	24.250.000
7	1C24TPV	9	15/03/2024	Công Ty TNHH Côn Đảo Resort	3500655708	ống HDPE D20*1.8 P12.5	32.867.588	2.629.407	35.496.995
8	1C24TPV	11	26/03/2024	Công Ty Cổ Phần DV Kỹ Thuật CN An Hưng Phát	0107679257	Điện trở Rheem - Model 050255K-4800W	4.000.000	320.000	4.320.000
9	1C24TPV	12	27/03/2024	Công Ty TNHH Côn Đảo Resort	3500655708	ống uPVC D315*9.2 PN 6	8.584.800	686.784	9.271.584
10	1C24TPV	12	27/03/2024	Công Ty TNHH Côn Đảo Resort	3500655708	Phi vận chuyển	2.000.000	160.000	2.160.000
Tổng									
4. Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 10%:									
1	1C24TPV	5	06/03/2024	Công Ty TNHH Côn Đảo Resort	3500655708	Nội ren trong 25*3/4	519.000	51.900	570.900
2	1C24TPV	6	06/03/2024	Công Ty TNHH Côn Đảo Resort	3500655708	Van 1 chiều NBV DN 21	925.000	92.500	1.017.500
3	1C24TPV	10	25/03/2024	Công Ty TNHH Côn Đảo Resort	3500655708	Van bi đồng MIHA DN50	2.227.000	222.700	2.449.700
Tổng									
5. Hàng hoá, dịch vụ không phải tổng hợp trên tờ khai 01/GTGT:									
Tổng									
							285.070.713	22.879.078	307.949.791
							Ki trước chuyển	81.524.433	
							Đầu vào	68.863.906	
							Du VAT	(127.509.261)	

Tổng doanh thu hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT (*):

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký tên, đóng dấu (ghi rõ họ tên và chức vụ)

Phụ lục 14: Tờ khai thuế GTGT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **01/GTGT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (MẪU SỐ 01/GTGT)

(Áp dụng đối với người nộp thuế tính thuế theo phương pháp khấu trừ có hoạt động sản xuất kinh doanh)

- [01a] Tên hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường
 [01b] Kỳ tính thuế: Quý 1 năm 2024
 [02] Lần đầu: [X] [03] Bổ sung lần thứ: []
 [04] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ
 [05] Mã số thuế: 0312962901
 [06] Tên đại lý thuế (nếu có):
 [07] Mã số thuế:
 [08] Hợp đồng đại lý thuế: Số _____ Ngày: _____
 [09] Tên đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
 [10] Mã số thuế đơn vị phụ thuộc/Mã số địa điểm kinh doanh:
 [11] Địa chỉ nơi có hoạt động sản xuất kinh doanh khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:
 [11a] Phường/xã: _____ [11b] Quận/Huyện: _____ [11c] Tỉnh/Thành phố: _____

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị hàng hóa, dịch vụ (chưa có thuế giá trị gia tăng)	Thuế giá trị gia tăng	
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	[]	
B	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22]	81.524.433
C	Kê khai thuế giá trị gia tăng phải nộp ngân sách nhà nước			
I	Hàng hóa, dịch vụ mua vào trong kỳ			
1	Giá trị và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào	[23]	855.545.540	[24]
	Trong đó: hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu	[23a]	0	[24a]
2	Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ kỳ này		[25]	68.863.906
II	Hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ			
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế giá trị gia tăng	[26]	0	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27]	285.070.713	[28]
a	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	0	
b	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	0	[31]
c	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	285.070.713	[33]
d	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	0	
3	Tổng doanh thu và thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ([34]=[26]+[27]; [35]=[28])	[34]	285.070.713	[35]
III	Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ ([36]=[35]-[25])		[36]	(45.984.828)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ của các kỳ trước			
1	Điều chỉnh giảm		[37]	0
2	Điều chỉnh tăng		[38]	0
V	Thuế giá trị gia tăng nhận bàn giao được khấu trừ trong kỳ		[39a]	0
VI	Xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng phải nộp trong kỳ:			
1	Thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ {[40a]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]} ≥ 0}		[40a]	0
2	Thuế giá trị gia tăng mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế ([40b] ≤ [40a])		[40b]	0
3	Thuế giá trị gia tăng còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])		[40]	0
4	Thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết kỳ này {[41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39a]} ≤ 0}		[41]	127.509.261

4.1	Thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn ([42] ≤ [41])	[42]	0
4.2	Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])	[43]	127.509.261

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./...

Ngày 17 tháng 04 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
(Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử)

Đỗ Thị Hạnh



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ.**

Phụ lục 15: Tờ khai giảm thuế theo NQ 110/2023/QH15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

GIẢM THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 110/2023/QH15

(Kèm theo Tờ khai thuế GTGT Kỳ tính thuế: Quý 1 năm 2024)

[01] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ

[02] Mã số thuế: 0312962901

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):

[04] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Giá trị hàng hóa, dịch vụ chưa có thuế GTGT	Thuế suất	Thuế suất	Thuế GTGT được giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)x80%	(6)=(3)x[(4)-(5)]
1	Bộ phụ kiện kết nối máy nước nóng NLMT (Bao gồm nhân công lắp đặt)	2.867.820	10	8	57.356
2	Bộ phụ kiện kết nối máy nước nóng và máy bơm (Bao gồm nhân công)	3.843.185	10	8	76.864
3	Co HDPE D20	169.000	10	8	3.380
4	Điện trở 4.8kw	4.000.000	10	8	80.000
5	Hệ thống máy nước nóng NLMT BPT Sunheat Solahart 150 lít (SOLAHART 150LT 1.8KW 1XBPT FLRF TPR VN)	14.796.296	10	8	295.926
6	Hệ thống máy nước nóng NLMT L Premium Solahart 180 lít (SOLAHART 181L 2.4KW)	44.907.408	10	8	898.148
7	Hệ thống máy nước nóng NLMT L Premium Solahart 180 lít(SOLAHART 181L 2.4KW)	22.453.704	10	8	449.074
8	Hệ thống máy nước nóng NLMT L Premium Solahart 300L (SOLAHART 302L 2.4KW. Bao gồm nhân công lắp đặt)	45.500.000	10	8	910.000
9	Lõi uPVC D315 PN 6	3.978.288	10	8	79.566
10	Máy bơm Wilo PH-045 (Bao gồm nhân công)	1.574.000	10	8	31.480
11	Máy hàn ống PPR	1.300.000	10	8	26.000
12	Máy nước nóng Solahart 180lt 2.4kw 1 x L Pitched (Bao gồm nhân công lắp đặt)	33.796.000	10	8	675.920
13	Nối ren ngoài HDPE D20	135.000	10	8	2.700
14	Nối thẳng HDPE D20	139.000	10	8	2.780
15	Nối thẳng HDPE D63	1.435.000	10	8	28.700
16	Ống HDPE D20*1.8 PN 12.5	13.350.000	10	8	267.000
17	Ống HDPE D63*3.8 PN 10	670.000	10	8	13.400
18	Ống uPVC D315*9.2 PN 6	8.584.800	10	8	171.696
19	Ống uPVC D315*9.2 PN6	8.584.800	10	8	171.696
20	Phí vận chuyển	5.000.000	10	8	100.000
21	Tạm ứng đợt 1 Hợp đồng số 2201/2024/HĐMB/HS-PV ký ngày 22/01/2024, Về việc: Cung cấp, lắp đặt hệ thống nước nóng năng lượng mặt trời	58.236.912	10	8	1.164.738
22	Tê đều HDPE D20	106.500	10	8	2.130
23	Tủ điện điều khiển (Bao gồm nhân công)	5.972.000	10	8	119.440
	Tổng cộng:	281.399.713			5.627.994

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã khai./

Ngày 17 tháng 04 năm 2024

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Đỗ Thị Hạnh



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ NĂNG LƯỢNG PHONG VŨ.**

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. “Luật số 13/2008/QH12 của Quốc hội: Luật Thuế GTGT ban hành ngày 12-06-2008”
2. “Luật thuế GTGT “ , xem ngày 10/09/2024, <[Luật Thuế giá trị gia tăng mới nhất 2024 \(thuvienphapluat.vn\)](#)>
3. “Khái niệm Thuế”, xem ngày 15/07/2024, < <https://ebh.vn/tin-tuc/thue-la-gi>>
4. “Công thức tính Thuế”, xem ngày 15/07/2024, < [Tổng hợp công thức tính thuế \(thuvienphapluat.vn\)](#)>